BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 142 /2026/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2026*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ bưu chính của doanh nghiệp được chỉ định, dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13;

Căn cứ Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 66/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bưu chính số 49/2010/QH12;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 18/2021/NĐ-CP và Nghị định số 182/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 181/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ Nghị định số 254/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hải quan;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ bưu chính của doanh nghiệp được chỉ định, dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 49/2015/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan đối với thư, gói, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính của doanh nghiệp được chỉ định được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 56/2019/TT-BTC

1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 3, khoản 5 và khoản 6 Điều 4 Thông tư số 49/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Thông tư số 56/2019/TT-BTC

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b.2.1 khoản 3 Điều 4 như sau:

"b.2.1) Nhóm 1: Gói, kiện hàng hóa nhập khẩu có trị giá hải quan trong định mức miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại Điều 8 và Điều 29 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 và khoản 11 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP và thuộc trường hợp được miễn giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành hoặc không thuộc mặt hàng phải có giấy phép nhập khẩu, kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành."

b) Bổ sung điểm đ, e, g khoản 3 Điều 4 như sau:

"đ) Việc nộp, xác nhận và sử dụng các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan, hồ sơ thuế thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 38/2015/TT-BTC quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC.

e) Người khai hải quan thực hiện khai hải quan qua Hệ thống phải đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 6 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC.

g) Người khai hải quan thực hiện định danh, xác thực điện tử theo quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử khi thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hoá nhóm 1."

c) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 5 Điều 4 như sau:

"d) Nộp thuế, phí hải quan, lệ phí hàng hóa quá cảnh và các khoản thu khác theo quy định hiện hành (nếu có). Trường hợp nộp tiền vào tài khoản tiền gửi của cơ quan hải quan: khi khai tờ khai hải quan phải kê khai chỉ tiêu "người nộp

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

thuế" là mã 2; kê khai chỉ tiêu "mã xác định thời hạn nộp thuế" là mã D. Số tiền thuế phải nộp của từng tờ khai hải quan phát sinh được trừ vào số tiền nộp trước tại tài khoản tiền gửi của cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai để được thông quan hàng hóa."

d) Bổ sung điểm o khoản 5 Điều 4 như sau:

"o) Trường hợp thay mặt chủ hàng thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu nhóm 1 thì thông báo cho người gửi hàng đối với hàng xuất khẩu và người nhận hàng đối với hàng nhập khẩu phối hợp với cơ quan hải quan trong việc định danh, xác thực điện tử."

đ) Bổ sung điểm g khoản 6 Điều 4 như sau:

"g) Đối với hàng hóa nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính, cơ quan hải quan thực hiện trừ lùi số tiền thuế phải nộp theo quy định. Định kỳ hàng ngày hoặc một tuần/01 (một) lần, cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai lập giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo quy định, kèm theo Bảng tổng hợp tiền thuế trích từ tài khoản tiền gửi chuyển nộp Ngân sách Nhà nước (tổng hợp chi tiết số tờ khai hải quan, sắc thuế, số tiền đã trừ lùi để trích tiền từ tài khoản tiền gửi chuyển nộp Ngân sách Nhà nước) theo Mẫu HQ 08-BTH-TT tại Phụ lục I ban hành kèm Thông tư này và gửi 01 bản cho doanh nghiệp bưu chính khi có yêu cầu để đối chiếu số tiền đã nộp."

2. Sửa đổi bổ sung một số điểm của khoản 1 Điều 7 Thông tư số 49/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Thông tư số 56/2019/TT-BTC

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a.2 khoản 1 Điều 7 như sau:

"a.2 Khai các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 5 Thông tư này theo các chỉ tiêu thông tin quy định tại mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 67 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC. Xuất trình hàng hóa để cơ quan hải quan kiểm tra trong trường hợp tờ khai hải quan được phân luồng 3."

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a.3 khoản 1 Điều 7 như sau:

"a.3) Khai bổ sung: Khai các chỉ tiêu thông tin được khai bổ sung theo hướng dẫn tại Phụ lục I Danh mục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2019/TT-BTC được thay thế tại Phụ lục II Thông tư số 142/2026/TT-BTC và thực hiện theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 8 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC."

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 Thông tư số 49/2015/TT-BTC như sau:

"Điều 8. Thủ tục hải quan đối với hàng bưu chính thu gom ngoài lãnh

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

thổ đưa vào Việt Nam thực hiện phân loại, chia chọn, chuyển tiếp đi quốc tế

Thực hiện theo quy định về thủ tục hải quan đối với hàng hoá quá cảnh quy định tại Điều 51a Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 22 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC."

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 Thông tư số 49/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 1 Thông tư số 56/2019/TT-BTC như sau:

"Điều 11. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu

Thực hiện theo quy định tại Điều 50, Điều 51 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 20, khoản 21 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC."

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 191/2015/TT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 56/2019/TT-BTC và Thông tư số 29/2025/TT-BTC

1. Bổ sung khoản 4 và khoản 5 Điều 4 Thông tư số 191/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 2 Thông tư số 56/2019/TT-BTC như sau:

"4. Việc nộp, xác nhận và sử dụng các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan, hồ sơ thuế thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC.

5. Người khai hải quan thực hiện khai hải quan qua Hệ thống phải đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 6 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC."

2. Bổ sung khoản 12 và khoản 13 Điều 5 Thông tư số 191/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 2 Thông tư số 56/2019/TT-BTC như sau:

"12. Thực hiện định danh, xác thực điện tử theo quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử khi thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hoá nhóm 1, nhóm 2.

13. Trường hợp thay mặt chủ hàng thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu nhóm 2 thì thông báo cho người gửi hàng đối với hàng xuất khẩu và người nhận hàng đối với hàng nhập khẩu phối hợp với cơ quan hải quan trong việc định danh, xác thực điện tử."

3. Sửa đổi điểm b.2 khoản 1 Điều 6 Thông tư số 191/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 2 Thông tư số 56/2019/TT-BTC như sau:

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

"b.2) Nhóm 2: Hàng hóa nhập khẩu có trị giá hải quan trong định mức miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 11 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP và thuộc trường hợp được miễn giấy phép, điều kiện, kiểm tra chuyên ngành hoặc không thuộc mặt hàng phải có giấy phép nhập khẩu, kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành."

4. Sửa đổi điểm a.2 khoản 1 Điều 10 Thông tư số 191/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 8 Điều 2 Thông tư số 56/2019/TT-BTC như sau:

"a.2) Khai các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 8 Thông tư này theo các chỉ tiêu thông tin quy định tại mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 67 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC; xuất trình hàng hóa để cơ quan hải quan kiểm tra trong trường hợp tờ khai hải quan được phân luồng 3."

5. Sửa đổi khoản 2, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 191/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 13 và khoản 19 Điều 2 Thông tư số 56/2019/TT-BTC

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 14 như sau:

"2. Doanh nghiệp chuyển phát nhanh được nộp thay tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp, tiền thuế ấn định, phí hải quan, lệ phí hàng hóa quá cảnh cho chủ hàng theo quy định pháp luật.

Trường hợp doanh nghiệp chuyển phát nhanh dự kiến phát sinh phải nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp, tiền thuế ấn định, phí hải quan, lệ phí hàng hóa quá cảnh thay cho chủ hàng thì nộp vào tài khoản tiền gửi của cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai tại Kho bạc Nhà nước. Số tiền thuế, phí, lệ phí phải nộp của từng tờ khai hải quan phát sinh được trừ vào số tiền nộp trước tại tài khoản tiền gửi của cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan để được thông quan, giải phóng hàng hóa."

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 14 như sau:

"4. Trách nhiệm của người khai hải quan là doanh nghiệp chuyển phát nhanh:

a) Tự khai, tự tính thuế, tự nộp thuế, phí, lệ phí và tự chịu trách nhiệm đối với các tờ khai hải quan có thuế, phí, lệ phí đã được làm thủ tục hải quan; tự xác định số tiền thuế, phí, lệ phí phải được nộp trước vào tài khoản tiền gửi của cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai tại Kho bạc nhà nước;

b) Thực hiện thu, nộp phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư số 86/2025/TT-BTC ngày 28/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh;

c) Trường hợp nộp tiền vào tài khoản tiền gửi của cơ quan hải quan quy định tại khoản 2 Điều này: khi khai tờ khai hải quan phải kê khai chỉ tiêu "người nộp thuế" là mã 2, kê khai chỉ tiêu "mã xác định thời hạn nộp thuế" là mã D. Số tiền thuế phải nộp của từng tờ khai hải quan phát sinh được trừ vào số tiền nộp trước tại tài khoản tiền gửi của cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai để được thông quan hàng hóa;

d) Trường hợp sử dụng bảo lãnh chung quy định tại khoản 3 Điều này, việc xử lý thanh toán bù trừ, cập nhật số dư và quản lý bảo lãnh thực hiện theo quy định tại Điều 43 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 24 Điều 1 và khoản 1 Điều 2 Thông tư số 39/2018/TT-BTC;

đ) Trường hợp doanh nghiệp chuyển phát nhanh sử dụng biên lai:

đ.1) Phát hành Biên lai thu thuế, phí, lệ phí để trả cho chủ hàng theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 254/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử;

đ.2) Việc đăng ký sử dụng Biên lai, định dạng Biên lai, xử lý Biên lai đã lập, ký hiệu mẫu, ký hiệu Biên lai và mẫu biên lai thực hiện theo quy định tại Nghị định số 254/2026/NĐ-CP;

đ.3) Doanh nghiệp chuyển phát nhanh có trách nhiệm phối hợp với Hải quan nơi đăng ký tờ khai thực hiện việc đối chiếu các chứng từ thu, nộp ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật về quản lý thuế."

6. Sửa đổi Điều 17 Thông tư số 191/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 16 Điều 2 Thông tư số 56/2019/TT-BTC như sau:

"Điều 17. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu

Thực hiện theo quy định tại Điều 50, Điều 51 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 20, khoản 21 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC."

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 49/2015/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan đối với thư, gói, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính của doanh nghiệp được chỉ định đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 56/2019/TT-BTC và Thông tư số 191/2015/TT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 56/2019/TT-BTC và Thông tư số 29/2025/TT-BTC

1. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, điều của Thông tư số 49/2015/TT-BTC như sau:

a) Thay thế cụm từ "Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan" bằng cụm từ "Cục trưởng Cục Hải quan" tại điểm b khoản 2 Điều 4 Chương I, khoản 1 Điều 19 Chương VI;

b) Thay thế cụm từ "Cục Hải quan các tỉnh, thành phố" bằng cụm từ "Chi cục Hải quan các khu vực"; thay thế cụm từ "Tổng cục Hải quan" bằng cụm từ "Cục Hải quan" tại khoản 1 Điều 19 Chương VI;

c) Thay thế cụm từ "Cục trưởng Cục Hải quan các tỉnh, thành phố" bằng cụm từ "Chi cục trưởng Chi cục Hải quan các khu vực" tại khoản 1 Điều 19 Chương VI;

d) Thay thế cụm từ "Quản lý" bằng cụm từ "Thủ tục" tại phần tên của Chương III;

đ) Thay thế cụm từ "Mục 5, Chương II Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (dưới đây gọi là Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài chính)" bằng cụm từ "Mục 5, Chương II Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 24, khoản 25, khoản 26, khoản 27 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC" tại khoản 4 Điều 4 Chương I;

e) Bãi bỏ Điều 9 Chương III, Điều 10 Chương IV.

2. Thay thế một số cụm từ của Thông tư số 191/2015/TT-BTC như sau:

a) Thay thế cụm từ "Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan (dưới đây gọi là Nghị định số 08/2015/NĐ-CP)" bằng cụm từ "Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 12 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP" tại khoản 3 Điều 4 Chương I;

b) Thay thế một số cụm từ tại Điều 5 Chương I Thông tư số 191/2015/TT-BTC như sau: thay thế cụm từ "Doanh nghiệp chuyển phát nhanh thực hiện trách nhiệm của người khai hải quan theo quy định của Luật Hải quan, Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, Thông tư số 38/2015/TT-BTC, Thông tư số 120/2015/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mẫu,

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

chế độ in, phát hành, quản lý và sử dụng Tờ khai Hải quan dùng cho người xuất, nhập cảnh (dưới đây gọi là Thông tư số 120/2015/TT-BTC) và Thông tư số 42/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan đối với phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh (dưới đây gọi là Thông tư số 42/2015/TT-BTC)" bằng cụm từ: "Doanh nghiệp chuyển phát nhanh thực hiện trách nhiệm của người khai hải quan theo quy định của Luật Hải quan, Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP, Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 39/2018/TT-BTC và Thông tư số 121/2025/TT-BTC"; thay thế cụm từ "mục 4 Chương VII Thông tư số 38/2015/TT-BTC" bằng cụm từ "mục 4 Chương VII Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 39/2018/TT-BTC và Thông tư số 121/2025/TT-BTC.";

c) Thay thế một số cụm từ tại Điều 14 Chương III như sau: thay thế cụm từ "Mục 5 Chương II Thông tư số 38/2015/TT-BTC" bằng cụm từ "Mục 5, Chương II Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 24, khoản 25, khoản 26, khoản 27 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC"; thay thế cụm từ "khoản 1, khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 43 Thông tư số 38/2015/TT-BTC" bằng cụm từ "khoản 1, khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 43 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 24 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC";

d) Thay thế một số cụm từ tại Điều 19 Chương IV như sau: thay thế cụm từ "Thông tư số 38/2015/TT-BTC" bằng cụm từ "Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 39/2018/TT-BTC và Thông tư số 121/2025/TT-BTC"; thay thế cụm từ "khoản 2 Điều 17" bằng cụm từ "Điều 17";

đ) Thay thế một số cụm từ khoản 1, Điều 27 Chương VI như sau: thay thế cụm từ "Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan" bằng cụm từ "Cục trưởng Cục Hải quan"; thay thế cụm từ " Cục trưởng Cục Hải quan các tỉnh, thành phố" bằng cụm từ "Chi cục trưởng Chi cục Hải quan các khu vực";

e) Thay thế cụm từ "Tổng cục Hải quan" bằng cụm từ "Cục Hải quan" tại khoản 3 Điều 27 Chương VI;

g) Thay thế cụm từ "Cục Hải quan các tỉnh, thành phố" bằng cụm từ "Chi cục Hải quan các khu vực" tại khoản 3, Điều 27 Chương VI;

3. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, điều, khoản của Điều 1 Thông tư số 56/2019/TT-BTC như sau:

a) Thay thế cụm từ "khoản 2 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ" bằng cụm từ "khoản 1 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP" tại khoản 2 Điều 1;

b) Thay thế một số cụm từ tại khoản 3 Điều 1 như sau: thay thế cụm từ

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

"khoản 12 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan (sau đây gọi là Nghị định số 59/2018/NĐ-CP)" bằng cụm từ "khoản 12 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP"; thay thế cụm từ "Điều 48 Thông tư số 38/2015/TT-BTC và khoản 27 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC" bằng cụm từ "Điều 48 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 27 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC"; thay thế cụm từ "khoản 3 Điều 5 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP" bằng cụm từ "khoản 2 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP";

c) Thay thế một số cụm từ tại khoản 4 Điều 1 như sau: thay thế cụm từ "khoản 12 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP" bằng cụm từ "điểm a khoản 12 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP"; thay thế cụm từ "khoản 5 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC" bằng cụm từ "khoản 4 điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC";

d) Thay thế cụm từ "Chi cục trưởng" bằng cụm từ "Đội trưởng" tại khoản 5 Điều 1;

đ) Thay thế một số cụm từ tại khoản 5 Điều 1 như sau: thay thế cụm từ "khoản 9 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC" bằng cụm từ "khoản 8 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC"; thay thế cụm từ "Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 39/2018/TT-BTC" bằng cụm từ "Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 39/2018/TT-BTC và Thông tư số 121/2025/TT-BTC";

e) Thay thế cụm từ "Chi cục Hải quan" bằng cụm từ "Hải quan" tại khoản 3, khoản 5, khoản 6 Điều 1;

g) Thay thế một số cụm từ tại khoản 6 Điều 1 như sau: thay thế cụm từ "khoản 11 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC" bằng cụm từ "khoản 10 điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC"; thay thế cụm từ "các Điều 23, Điều 24 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 12, khoản 13 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC" bằng cụm từ "Điều 23 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 12 Thông tư số 39/2018/TT-BTC, Điều 24 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 11 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC"; thay thế cụm từ "Điều 26 Thông tư số 38/2015/TT-BTC và khoản 9, khoản 14, khoản 15, khoản 16 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC" bằng cụm từ " Điều 26 Thông tư số 38/2015/TT-BTC, khoản 15, khoản 16 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC và khoản 8, khoản 12 Điều

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 của Bộ Tài chính"; thay thế cụm từ "khoản 18 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC" bằng cụm từ "khoản 18 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 14 điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC"; thay thế cụm từ "khoản 19 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC" bằng cụm từ "khoản 19 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 15 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC"; thay thế cụm từ "Thông tư số 38/2015/TT-BTC và sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 39/2018/TT-BTC" bằng cụm từ "Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 39/2018/TT-BTC và Thông tư số 121/2025/TT-BTC";

h) Thay thế cụm từ "Chi cục Hải quan cửa khẩu" bằng cụm từ "Hải quan cửa khẩu" tại khoản 6 Điều 1;

i) Thay thế một số cụm từ tại khoản 7 Điều 1 như sau: thay thế cụm từ "khoản 32 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC" bằng cụm từ "khoản 32 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 25, khoản 26 điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC"; thay thế cụm từ "khoản 28 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC" bằng cụm từ "khoản 20 điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC"; thay thế cụm từ "Thông tư số 39/2018/TT-BTC" bằng cụm từ "Thông tư số 39/2018/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 121/2025/TT-BTC";

k) Bãi bỏ cụm từ: "01 bản chụp" tại khoản 4 Điều 1;

l) Bãi bỏ khoản 8, khoản 9 Điều 1.

4. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ của Điều 2, Điều 5 Thông tư số 56/2019/TT-BTC như sau:

a) Thay thế cụm từ "khoản 2 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ" bằng cụm từ "khoản 1 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP" tại khoản 2 Điều 2;

b) Thay thế cụm từ "khoản 12 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP" bằng cụm từ "khoản 12 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP" tại khoản 3 Điều 2;

c) Thay thế cụm từ "Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ" bằng cụm từ "Nghị định số 167/2025/NĐ-CP" tại khoản 4 Điều 2;

d) Thay thế cụm từ "khoản 5 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC" bằng

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

cụm từ "Điều 16 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC và khoản 4 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC" tại khoản 6 Điều 2;

đ) Thay thế cụm từ "luồng vàng" bằng cụm từ "luồng 2"; thay thế cụm từ "luồng đỏ" bằng cụm từ "luồng 3" tại khoản 7 Điều 2;

e) Thay thế một số cụm từ tại khoản 8 Điều 2 Thông tư số 56/2019/TT-BTC như sau: thay thế cụm từ "Điều 23, Điều 24 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 12, khoản 13 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC" bằng cụm từ "Điều 23 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 12 Thông tư số 39/2018/TT-BTC, Điều 24 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 11 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC"; thay thế cụm từ "Điều 26 Thông tư số 38/2015/TT-BTC và khoản 9, khoản 14, khoản 15, khoản 16 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC" bằng cụm từ "Điều 26 Thông tư số 38/2015/TT-BTC, khoản 15, khoản 16 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC và khoản 8, khoản 12 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC"; thay thế cụm từ "khoản 18 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC " bằng cụm từ "khoản 18 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 14 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC"; thay thế cụm từ "khoản 19 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC" bằng cụm từ "khoản 19 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 15 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC"; thay thế cụm từ "khoản 12 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP" bằng cụm từ "khoản 12 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP"; thay thế cụm từ "luồng đỏ" bằng cụm từ "luồng 3";

g) Thay thế cụm từ "Thông tư số 38/2015/TT-BTC và sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 39/2018/TT-BTC" bằng cụm từ "Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 39/2018/TT-BTC và Thông tư số 121/2025/TT-BTC" tại khoản 9 Điều 2;

h) Thay thế một số cụm từ tại khoản 10 Điều 2 như sau: thay thế cụm từ "khoản 32 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC" bằng cụm từ "khoản 32 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 25, khoản 26 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC"; thay thế cụm từ "khoản 28 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC" bằng cụm từ " khoản 20 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC"; thay thế cụm từ "Thông tư số 39/2018/TT-BTC" bằng cụm từ "Thông tư số 39/2018/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 121/2025/TT-BTC";

i) Thay thế cụm từ "khoản 11 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC" bằng cụm từ "khoản 10 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC" tại khoản 12 Điều 2;

k) Thay thế cụm từ "khoản 29 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC" bằng cụm từ "khoản 21 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC" tại khoản 17 Điều 2;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

l) Thay thế cụm từ "Tổng cục Hải quan" bằng cụm từ "Cục Hải quan" tại khoản 4 Điều 5;

m) Bãi bỏ cụm từ "01 bản chụp" tại khoản 6 Điều 2.

5. Thay thế một số cụm từ của Thông tư số 29/2025/TT-BTC như sau:

a) Thay thế cụm từ "khoản 12 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP" bằng cụm từ "khoản 12 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP" tại khoản 1 Điều 1;

b) Thay thế cụm từ "khoản 9 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC" bằng cụm từ "khoản 8 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC" tại khoản 2 Điều 1;

c) Thay thế cụm từ "Hải quan cửa khẩu, Hải quan ngoài cửa khẩu" bằng cụm từ "Hải quan" tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 3;

d) Thay thế cụm từ "khoản 2 Điều 17" bằng cụm từ "Điều 17" tại khoản 5 Điều 3.

6. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số biểu mẫu, Phụ lục của Thông tư số 49/2015/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 56/2019/TT-BTC như sau:

a) Thay thế Mẫu số HQ 01-BKCTHH tại Danh mục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2019/TT-BTC ngày 23/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 49/2015/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với thư, gói, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính của doanh nghiệp được chỉ định và Thông tư số 191/2015/TT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế bằng Mẫu số HQ 01a-BKCTHH và Mẫu số HQ 01b-BKCTHH mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Thay thế Mẫu số HQ 06-BKTKTGT Danh mục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2019/TT-BTC bằng Mẫu số HQ06-BKTKTGT mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Thay thế Phụ lục I Danh mục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2019/TT-BTC bằng Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

d) Thay thế phụ lục III Danh mục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2019/TT-BTC bằng Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

đ) Sửa đổi, bổ sung hướng dẫn cách ghi chỉ tiêu thông tin tại điểm b khoản 2 Phụ lục II Danh mục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2019/TT-BTC như sau: Tại chỉ tiêu thông tin "góc trên bên trái tờ khai" người khai hải quan ghi tên Hải quan nơi đăng ký tờ khai; Tại Ô số 29 của điểm 2b: Thuế GTGT - "Trị giá tính thuế" là "Tổng giá tính thuế GTGT"; "Thuế suất (%)/Mức

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

thuế" là "mức thuế GTGT theo quy định"; "Tiền thuế" là "tổng số tiền thuế phải nộp theo mức GTGT".

e) Bổ sung Mẫu số HQ 08-BTH-TT tại Phụ lục I ban hành kèm Thông tư này.

g) Bãi bỏ: Mẫu số HQ 02-BKHBCN, Mẫu số HQ 03-BKHBCX ban hành kèm theo Thông tư số 49/2015/TT-BTC; Mẫu số HQ 02-BKHBCN, Mẫu số HQ 03-BKHBCX Danh mục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2019/TT-BTC

h) Bãi bỏ Mẫu số HQ 04-TKHBCXNT, Mẫu số HQ 05-BTKHBC ban hành kèm theo Thông tư số 49/2015/TT-BTC.

7. Sửa đổi, bổ sung một số biểu mẫu, Phụ lục Thông tư số 191/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 56/2019/TT-BTC và Thông tư số 29/2025/TT-BTC như sau:

a) Thay thế Mẫu số HQ 02-BKTKTGT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 29/2025/TT-BTC ngày 26/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 191/2015/TT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 56/2019/TT-BTC ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bằng Mẫu số HQ 02-BKTKTGT mục II, Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Thay thế Mẫu số HQ 06a-BKCTHH tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 29/2025/TT-BTC bằng Mẫu số HQ 06a-BKCTHH mục II, Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Thay thế Mẫu số HQ 06b-BKCTHH tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 29/2025/TT-BTC bằng Mẫu số HQ 06b-BKCTHH mục II, Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

d) Thay thế mục I Phụ lục II Danh mục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2019/TT-BTC và mục II Phụ lục II Danh mục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Phụ lục II Thông tư số 29/2025/TT-BTC bằng Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

đ) Thay thế Phụ lục III Danh mục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2019/TT-BTC bằng Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2026.

2. Cục Hải quan có trách nhiệm xây dựng Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, ban hành định dạng thông điệp dữ liệu để đáp ứng các yêu cầu quy định tại Thông tư này.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

3. Trường hợp theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định về thời gian giải phóng hàng, Cục Hải quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện đảm bảo theo đúng điều ước quốc tế đó.

4. Trường hợp chức năng, nhiệm vụ, tên gọi của các cơ quan, tổ chức được giao tại Thông tư này thay đổi thì thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, tên gọi mới của các cơ quan, tổ chức đó.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

6. Trường hợp có vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Bộ Tài chính (qua Cục Hải quan) để tổng hợp và hướng dẫn xử lý./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Đức Chi

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Chi cục Hải quan các khu vực;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Cổng Thông tin điện tử Cục Hải quan;
- Lưu: VT; CHQ (..05...)2

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Phụ lục I

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ BIỂU MẪU

(Ban hành kèm Thông tư số 142 /2026/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

I. Sửa đổi, bổ sung một số biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 49/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 56/2019/TT-BTC

STT	Tên Biểu mẫu	Số hiệu
1	Bảng kê chi tiết hàng hóa (Hàng nhập khẩu)	HQ 01a-BKCTHH
2	Bảng kê chi tiết hàng hóa (Hàng xuất khẩu)	HQ 01b-BKCTHH
3	Bảng kê tờ khai hàng hóa nhập khẩu/xuất khẩu trị giá thấp đã hoàn thành thủ tục hải quan	HQ 06-BKTKTGT
4	Bảng tổng hợp tiền thuế trích từ tài khoản tiền gửi chuyển nộp Ngân sách Nhà nước	HQ 08-BTH-TT

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

TÊN DOANH NGHIỆP

Mẫu số HQ 01a-BKCTHH

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÀNG HÓA
(HÀNG NHẬP KHẨU)

(Kèm theo tờ khai nhập khẩu số ..... ngày ..... tháng .... năm)

STT	Họ tên, địa chỉ người NK	Số vận đơn	Số Master AWB/ CN37 /CN38	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá tính thuế	Trọng lượng	Xuất xứ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

Tổng trị giá tính thuế:

Thuế suất thuế giá trị gia tăng (%):

Số tiền thuế giá trị gia tăng:

Số tiền thuế bảo vệ môi trường, tiêu thụ đặc biệt (nếu có):

Tổng số tiền thuế:

Ý kiến của cơ quan hải quan: .....

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*	*....., ngày....tháng...năm.....* **CCHQ XÁC NHẬN HÀNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN QUA KHU VỰC GIÁM SÁT** *(Ký, đóng dấu công chức)*	*....., ngày....tháng.....năm.....* **LÃNH ĐẠO HẢI QUAN** *(Ký, đóng dấu công chức)*

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

TÊN DOANH NGHIỆP

Mẫu số HQ 01b-BKCTHH

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÀNG HÓA
(HÀNG XUẤT KHẨU)

(Kèm theo tờ khai xuất khẩu số ..... ngày ..... tháng .... năm)

STT	Họ tên, địa chỉ người XK	Số vận đơn	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá tính thuế	Trọng lượng	Xuất xứ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

Ý kiến của cơ quan hải quan: .....

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*	*....., ngày....tháng...năm.....* **CCHQ XÁC NHẬN HÀNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN QUA KHU VỰC GIÁM SÁT** *(Ký, đóng dấu công chức)*	*....., ngày....tháng.....năm.....* **LÃNH ĐẠO HẢI QUAN** *(Ký, đóng dấu công chức)*

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN

Số: ...../BK-CQBHVB

Mẫu số HQ 06-BKTKTGT

BẢNG KÊ

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trị giá thấp đã được thông quan

STT	Số Tờ khai	Số vận đơn	Tên hàng	Đơn vị tính	Số kiện	Trị giá (VND)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Tổng trị giá tính thuế:

Thuế suất thuế giá trị gia tăng (%):

Số tiền thuế giá trị gia tăng:

Số tiền thuế bảo vệ môi trường, tiêu thụ đặc biệt (nếu có):

Tổng số tiền thuế:

Tổng số tiền phí hải quan:

Ý kiến của cơ quan hải quan:.....

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

....., ngày.....tháng.....năm.....
CCHQ XÁC NHẬN HÀNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN QUA KHU VỰC GIÁM SÁT
(Ký, đóng dấu công chức)

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN

Mẫu số HQ08-BTH-TT

Số: ……./BK-CQBHVB

BẢNG TỔNG HỢP
TIỀN THUẾ TRÍCH TỪ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI CHUYỂN NỘP NSNN
(Sử dụng cho các doanh nghiệp bưu chính nộp tiền trước vào tài khoản tiền gửi của hải quan)
Ngày ……../ ……../ …… **Mã số thuế: ……**

ĐVT: VN đồng

STT	Nội dung số tờ khai	Ngày tờ khai	Số dư đầu kỳ	Số tiền đã sử dụng theo sắc thuế							Số dư cuối kỳ
				Tổng số	XK	NK	TTĐB	GTGT	BVMT	…	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=5.1-5.n)	(5.1)	(5.2)	(5.3)	(5.4)	(5.5)	(5.n)	(6=4-5)
1	Số dư đầu kỳ										
2	Tờ khai 1										
3	Tờ khai 2										
4	….										
5	…										
	Cộng										

NGƯỜI LẬP BẢN KÊ
(Ký, xác nhận)

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

II. Sửa đổi, bổ sung một số biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 191/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 56/2019/TT-BTC và Thông tư số 29/2025/TT-BTC

STT	Tên Phụ lục, Biểu mẫu	Số hiệu
1	Bảng kê tờ khai hàng hóa nhập khẩu/xuất khẩu trị giá thấp đã hoàn thành thủ tục hải quan	HQ 02-BKTKTGT
2	Bảng kê chi tiết hàng hóa (Hàng nhập khẩu)	HQ 06a-BKCTHH
3	Bảng kê chi tiết hàng hóa (Hàng xuất khẩu)	HQ 06b-BKCTHH

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN

Số: ...../BK-CQBHVB

Mẫu số HQ 02-BKTKTGT

BẢNG KÊ

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trị giá thấp

STT	Số Tờ khai	Số vận đơn	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Số kiện	Trị giá (VND)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

Tổng trị giá tính thuế:

Thuế suất thuế giá trị gia tăng (%):

Số tiền thuế giá trị gia tăng:

Số tiền thuế bảo vệ môi trường, tiêu thụ đặc biệt (nếu có):

Tổng số tiền thuế:

Tổng số tiền phí hải quan:

Ý kiến của cơ quan hải quan:.....

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

....., ngày.....tháng.....năm.....
CCHQ XÁC NHẬN HÀNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN QUA KHU VỰC GIÁM SÁT
(Ký, đóng dấu công chức)

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

TÊN DOANH NGHIỆP

Mẫu số HQ 06a-BKCTHH

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÀNG HÓA
(HÀNG NHẬP KHẨU)

(Kèm theo tờ khai nhập khẩu số ..... ngày ..... tháng .... năm)

STT	Họ tên, địa chỉ người NK	Số vận đơn	Số Master AWB	Tên hàng	Số lượng kiện, gói	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá tính thuế	Trọng lượng	Xuất xứ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

Tổng trị giá tính thuế:

Thuế suất thuế giá trị gia tăng (%):

Số tiền thuế giá trị gia tăng:

Số tiền thuế bảo vệ môi trường, tiêu thụ đặc biệt (nếu có):

Tổng số tiền thuế:

Ý kiến của cơ quan hải quan: .....

	....., ngày....tháng...năm.....	*....., ngày....tháng.....năm.....*
ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP	**CCHQ XÁC NHẬN HÀNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN QUA KHU VỰC GIÁM SÁT**	**LÃNH ĐẠO HẢI QUAN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	*(Ký, đóng dấu công chức)*	*(Ký, đóng dấu công chức)*

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

TÊN DOANH NGHIỆP

Mẫu số HQ 06b-BKCTHH

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÀNG HÓA
(HÀNG XUẤT KHẨU)

(Kèm theo tờ khai xuất khẩu số ..... ngày ..... tháng .... năm)

STT	Họ tên, địa chỉ người XK	Số vận đơn	Tên hàng	Số lượng kiện, gói	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá tính thuế	Trọng lượng	Xuất xứ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

Ý kiến của cơ quan hải quan: .....

	....., ngày....tháng...năm.....	*....., ngày....tháng.....năm.....*
ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*	**CCHQ XÁC NHẬN HÀNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN QUA KHU VỰC GIÁM SÁT** *(Ký, đóng dấu công chức)*	**LÃNH ĐẠO HẢI QUAN** *(Ký, đóng dấu công chức)*

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Phụ lục II

THAY THẾ PHỤ LỤC I, DANH MỤC 1 BAN HÀNH KÈM THEO THÔNG TƯ SỐ 56/2019/TT-BTC

(Ban hành kèm Thông tư số 142 /2026/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phần A. Chỉ tiêu thông tin liên quan đến thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trị giá thấp

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú	Bảng mã
Mẫu số 01	**Tờ khai hải quan điện tử đối với hàng hóa nhập khẩu trị giá thấp**		
A	***Thông tin chung***		
1.1	Số tờ khai	Không phải nhập liệu, hệ thống tự động cấp số tờ khai. Lưu ý: cơ quan Hải quan và các cơ quan khác có liên quan sử dụng 11 ký tự đầu của số tờ khai. Ký tự thứ 12 chỉ thể hiện số lần khai bổ sung.	
1.2	Mã loại hình	Nhập "A45"	
1.3	Mã phân loại hàng hóa	- Ô 1: Nhập mã phân loại hàng hóa: "P": Hàng bưu chính "E": Hàng chuyển phát nhanh - Ô 2: Nếu là hàng quà biếu, quà tặng thì nhập "G", nếu không thì để trống.	
1.4	Mã hiệu phương thức vận chuyển	Căn cứ phương thức vận chuyển để lựa chọn một trong các mã sau: "1": Đường không "2": Đường biển (container) "3": Đường biển (hàng rời, lỏng...) "4": Đường bộ (xe tải) "5": Đường sắt "6": Đường sông "9": Khác	
1.5	Cơ quan Hải quan	(1) Nhập mã cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan theo quy định của pháp luật. Trường hợp không nhập, Hệ thống sẽ tự động xác định mã cơ quan hải quan đăng ký tờ khai dựa trên địa điểm lưu giữ hàng chờ thông quan. (2) Tham khảo bảng mã trên website Hải quan.	x

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

1.6	Mã bộ phận xử lý tờ khai	(1) Nhập mã bộ phận xử lý tờ khai. (2) Trường hợp không nhập, Hệ thống sẽ tự động xác định mã. (3) Tham khảo bảng mã trên website Hải quan.	x
1.7	Mã người nhập khẩu	Nhập Số định danh cá nhân hoặc mã số thuế của tổ chức. Trường hợp không có số định danh cá nhân, mã số thuế: nhập NN- số hộ chiếu cá nhân hoặc NN- số hộ chiếu của người đại diện của tổ chức.	
1.8	Tên người nhập khẩu	Nhập họ tên người nhập khẩu hoặc tên của tổ chức	
1.9	Địa chỉ người nhập khẩu	Nhập địa chỉ cụ thể của người nhập khẩu hoặc tổ chức nhập khẩu	
1.10	Số điện thoại người nhập khẩu	(1) Nhập số điện thoại của người nhập khẩu (không sử dụng dấu gạch ngang). Nếu hệ thống tự động hiển thị, không cần nhập liệu. (2) Trường hợp số điện thoại của người nhập khẩu mà hệ thống hiển thị không đúng, thì nhập vào số điện thoại chính xác.	
1.11	Tên người xuất khẩu	Nhập tên người xuất khẩu	
1.12	Mã nước	(1) Nhập mã nước bao gồm 02 ký tự theo bảng mã UN LOCODE (tham khảo bảng "Mã nước" tại Cổng Thông tin điện tử của cơ quan hải quan) Không phải nhập liệu trong trường hợp không xác định được nước xuất khẩu hoặc không có trong bảng mã UN LOCODE.	x
1.13	Mã đại lý hải quan	Nhập mã số đại lý hải quan	
1.14	Số vận đơn	Số vận đơn bao gồm phần số, phần chữ và các kí tự đặc biệt. Ô 1: Nhập số vận đơn chủ do hãng vận chuyển hoặc bưu chính các nước ban hành (Master bill, CN37, CN38,...). Ô 2: Nhập số vận đơn thứ cấp do Đại lý hàng không, Đại lý giao nhận hàng hóa (Forwarder), bưu chính các nước ban hành (B/L, số AWB, CN22, CN23, E1QT, ...) Ô 3: Nhập ngày tháng năm của vận đơn thứ cấp.	

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

1.15	Số lượng	Ô 1: Nhập tổng số lượng kiện hàng hóa (căn cứ vào hóa đơn thương mại, phiếu đóng gói, vận đơn,...) Lưu ý: - Không nhập phần thập phân; - Nhập là "1" đối với hàng hóa không thể hiện bằng đơn vị tính (kiện, thùng,...). Ô 2: Nhập mã đơn vị tính Ví dụ: CS: thùng, BX: hộp,.... (Tham khảo bảng "Mã loại kiện" trên website Hải quan)	x
1.16	Tổng trọng lượng hàng (Gross)	Ô 1: Nhập tổng trọng lượng hàng (căn cứ vào phiếu đóng gói, hóa đơn thương mại hoặc chứng từ vận chuyển) Lưu ý: - Trường hợp tại chỉ tiêu thông tin "Mã phương thức vận chuyển" người khai chọn mã "1": có thể nhập 08 ký tự cho phần nguyên và 01 ký tự cho phần thập phân. Nếu vượt quá 01 ký tự phần thập phân thì nhập tổng trọng lượng chính xác vào ô "Ghi chú". - Đối với các phương thức vận chuyển khác: có thể nhập 06 ký tự cho phần nguyên và 03 ký tự cho phần thập phân. - Trường hợp mã của tổng trọng lượng hàng là "LBR" (pound), hệ thống sẽ tự động chuyển đổi sang KGM (kilogram). - Không phải nhập ô này trong trường hợp tại chỉ tiêu thông tin "Mã phương thức vận chuyển" người khai chọn mã "9". Ô 2: Nhập mã đơn vị tính của tổng trọng lượng hàng theo chuẩn UN/ECE Ví dụ: KGM: kilogram TNE: tấn LBR: pound (Tham khảo bảng mã đơn vị tính trên website Hải quan) - Trường hợp nhập mã đơn vị tính khác LBR, xuất ra mã trọng lượng đơn vị tính. - Trường hợp nhập là "LBR" (pound), xuất ra KGM.	x

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

1.17	Mã địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến	Nhập mã địa điểm lưu kho của doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát nhanh hoặc nhập mã địa điểm nơi lưu giữ hàng hóa khi khai báo nhập khẩu	
1.18	Phương tiện vận chuyển	Ô 1: Nhập hô hiệu (call sign) trong trường hợp vận chuyển bằng đường biển/sông. Nếu thông tin cơ bản của tàu chưa được đăng ký vào hệ thống thì nhập "9999". Ô 2: Nhập tên phương tiện vận chuyển (căn cứ vào chứng từ vận tải: B/L, AWB,...) (1) Nhập tên tàu trong trường hợp vận chuyển bằng đường biển/sông. (2) Nếu không nhập liệu, hệ thống sẽ tự động xuất ra tên tàu đã đăng ký trên hệ thống dựa trên hô hiệu đã nhập ở ô 1. (3) Trường hợp vận chuyển hàng không: nhập mã hãng hàng không (02 ký tự), số chuyến bay (04 ký tự), gạch chéo (01 ký tự), ngày/tháng (ngày: 02 ký tự, tháng 03 ký tự viết tắt của các tháng bằng tiếng Anh). Ví dụ: AB0001/01JAN (4) Trường hợp vận chuyển đường bộ: nhập số xe tải. (5) Trường hợp vận chuyển đường sắt: nhập số tàu. (6) Không phải nhập trong trường hợp tại chỉ tiêu "Mã hiệu phương thức vận chuyển", người khai chọn mã "9" và trong trường hợp hệ thống hỗ trợ tự động xuất ra tên phương tiện vận chuyển.	
1.19	Ngày hàng đến	Nhập ngày dự kiến hàng hóa đến cửa khẩu theo chứng từ vận tải hoặc Thông báo hàng đến (Arrival notice) của người vận chuyển gửi cho người nhận hàng.	
1.20	Địa điểm dỡ hàng	Ô 1: Nhập mã địa điểm dỡ hàng: (1) Nhập mã cảng dỡ hàng (đường không, đường biển) theo vận đơn (B/L, AWB,...); (2) Nhập mã ga (đường sắt); (3) Nhập mã cửa khẩu (đường bộ, đường sông); (4) Bắt buộc nhập liệu trừ trường hợp tại chỉ tiêu "Mã hiệu phương thức vận chuyển" người khai chọn mã "9". (Tham khảo các bảng mã "Cảng-ICD trong nước", "Cửa khẩu đường bộ - Ga đường sắt" và "Sân bay	x

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

		trong nước" trên website Hải quan) Ô 2: Nhập tên địa điểm dỡ hàng: hệ thống hỗ trợ xuất ra tên địa điểm dỡ hàng dựa trên mã địa điểm. Trường hợp không có mã địa điểm dỡ hàng thì phải nhập tên địa điểm dỡ hàng.	
1.21	Trị giá hóa đơn	Ô 1: Nhập tổng số tiền thanh toán nguyên tệ. Ô 2: Nhập mã nguyên tệ	
1.22	Tỷ giá	Không phải nhập liệu, hệ thống tự động cập nhật tỷ giá	
1.23	Phí vận chuyển quốc tế	Ô 1: Nhập số tiền phí vận chuyển quốc tế. Trường hợp trị giá hóa đơn đã bao gồm phí vận chuyển thì không phải nhập chỉ tiêu này. Ô 2: Nhập mã nguyên tệ của đồng tiền thanh toán. Trường hợp mã nguyên tệ của đồng tiền thanh toán phí vận chuyển quốc tế khác với đồng tiền thanh toán của trị giá hóa đơn thì thực hiện quy đổi về cùng đồng tiền thanh toán của trị giá hóa đơn.	
1.24	Phí bảo hiểm quốc tế	Ô 1: Nhập số tiền phí bảo hiểm. Trường hợp hóa đơn đã bao gồm phí bảo hiểm hoặc không có bảo hiểm thì không phải nhập chỉ tiêu này. Ô 2: Nhập mã nguyên tệ của đồng tiền thanh toán. Trường hợp mã nguyên tệ của đồng tiền thanh toán phí bảo hiểm quốc tế khác với đồng tiền thanh toán của hóa đơn thì thực hiện quy đổi về cùng đồng tiền thanh toán của hóa đơn.	
1.25	Tổng trị giá tính thuế (nguyên tệ)	Ô 1: Nhập tổng số tiền thực tế thanh toán nguyên tệ tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên đã bao gồm phí vận chuyển quốc tế, phí bảo hiểm quốc tế (không bao gồm chi phí vận chuyển nội địa và phí bảo hiểm nội địa, nếu doanh nghiệp có chứng từ, tài liệu tách được hai khoản phí này) và trị giá hàng FOC/khuyến mại. Ô 2: Nhập mã nguyên tệ tổng số tiền thanh toán.	
1.26	Tổng trị giá tính thuế (VNĐ)	Không phải nhập liệu, hệ thống căn cứ trị giá tính thuế (nguyên tệ) để tính tổng trị giá tính thuế (VNĐ).	
1.27	Người nộp thuế	Nhập một trong các mã sau: "1": người nộp thuế là người nhập khẩu "2": người nộp thuế là đại lý hải quan	

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

1.28	Mã xác định thời hạn nộp thuế	Nhập một trong các mã tương ứng như sau: "A": trường hợp được áp dụng thời hạn nộp thuế do sử dụng bảo lãnh riêng. "B": trường hợp được áp dụng thời hạn nộp thuế do sử dụng bảo lãnh chung. "C": trường hợp được áp dụng thời hạn nộp thuế mà không sử dụng bảo lãnh. "D": trong trường hợp nộp thuế ngay. Lưu ý: Nhập mã "D" trong trường hợp khai báo bổ sung để được cấp phép thông quan sau khi thực hiện quy trình tạm giải phóng hàng.	
1.29	Mã ngân hàng bảo lãnh	Nhập mã ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước cấp (tham khảo bảng "Mã Ngân hàng" trên website Hải quan), trường hợp ký hiệu và số chứng từ hạn mức đã được đăng ký, hệ thống sẽ kiểm tra những thông tin sau: (1) Người sử dụng chứng từ bảo lãnh phải là người nhập khẩu hoặc là chứng từ bảo lãnh được cấp đích danh cho đại lý hải quan. (2) Ngày tiến hành nghiệp vụ này phải thuộc thời hạn còn hiệu lực của chứng từ bảo lãnh đã đăng ký. (3) Trường hợp sử dụng chứng từ bảo lãnh riêng, chứng từ phải được sử dụng tại cơ quan hải quan đã đăng ký. (4) Nếu không thuộc trường hợp (1), mã của người được phép sử dụng chứng từ bảo lãnh đã đăng ký trong cơ sở dữ liệu phải khớp với mã của người đăng nhập sử dụng nghiệp vụ này. (5) Trường hợp đăng ký chứng từ bảo lãnh riêng trước khi có tờ khai dựa trên số vận đơn hoặc/và số hóa đơn, số vận đơn hoặc/và số hóa đơn phải tồn tại trong cơ sở dữ liệu bảo lãnh riêng. (6) Mã loại hình đã được đăng ký trong dữ liệu chứng từ bảo lãnh riêng phải khớp với mã loại hình khai báo. (7) Ngày khai báo dự kiến nếu đã được đăng ký trong dữ liệu chứng từ bảo lãnh riêng phải khớp với ngày đăng ký khai báo dự kiến. (8) Trường hợp đăng ký chứng từ bảo lãnh riêng sau khi hệ thống cấp số tờ khai, số tờ khai đã đăng ký trong cơ sở dữ liệu của bảo lãnh phải khớp với	x

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

		số tờ khai hệ thống đã cấp.	
1.30	Năm phát hành bảo lãnh	Nhập năm phát hành của chứng từ bảo lãnh (bao gồm 04 ký tự). Là chỉ tiêu bắt buộc nếu người khai đã nhập liệu tại chỉ tiêu "Mã ngân hàng bảo lãnh".	
1.31	Ký hiệu chứng từ bảo lãnh	Nhập ký hiệu của chứng từ bảo lãnh do ngân hàng cung cấp trên chứng thư bảo lãnh (tối đa 10 ký tự). Là chỉ tiêu bắt buộc nếu người khai đã nhập liệu tại chỉ tiêu "Mã ngân hàng bảo lãnh".	
1.32	Số chứng từ bảo lãnh	Nhập số của chứng từ bảo lãnh do ngân hàng cung cấp trên chứng thư bảo lãnh (tối đa 10 ký tự). Là chỉ tiêu bắt buộc nếu người khai đã nhập liệu tại chỉ tiêu "Mã ngân hàng bảo lãnh".	
1.33	Chứng từ đính kèm	Khai chứng từ đính kèm (nếu có)	
1.34	Phân loại chỉ thị của Hải quan	(Phần dành cho công chức hải quan) Nhập mã phân loại thông báo của công chức hải quan: "A": Hướng dẫn sửa đổi "B": Thay đổi khai báo nhập khẩu	
1.35	Ngày	(Phần dành cho công chức hải quan) Nhập ngày/tháng/năm công chức hải quan thông báo tới người khai hải quan.	
1.36	Tên	(Phần dành cho công chức hải quan) Nhập trích yếu nội dung thông báo.	
1.37	Nội dung	(Phần dành cho công chức hải quan) Nhập nội dung thông báo của công chức hải quan.	
1.38	Ghi chú	Nhập các nội dung cần ghi chú. Trường hợp lô hàng có C/O thì nhập số C/O, ngày cấp. Trường hợp có chứng từ, tài liệu tách được phí vận chuyển nội địa và phí bảo hiểm nội địa thì doanh nghiệp khai trị giá của phí vận chuyển nội địa và phí bảo hiểm nội địa. Trường hợp hàng hóa có hàng FOC/khuyến mại thì liệt kê số thứ tự của dòng hàng.	
B	***Thông tin khai báo chi tiết hàng hóa***		
1.39	Mã số hàng	(1) Nhập đầy đủ mã số hàng hóa quy định tại Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam do Bộ Tài	

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

	hóa	chính ban hành, các Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi và các Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt do Chính phủ ban hành. (2) Trường hợp hàng hóa thuộc Chương 98 của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi thì nhập mã số hàng hóa của 97 Chương tương ứng tại Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam và ghi mã số Chương 98 vào ô "Mô tả hàng hóa". (3) Chỉ tiêu không bắt buộc khai	
1.40	Thuế suất	- Hệ thống hỗ trợ tự động xác định mức thuế suất nhập khẩu tương ứng với mã số hàng hóa và mã biểu thuế đã nhập. Trường hợp hệ thống phản hồi lại một trong các lỗi tương ứng với các mã lỗi: E1004, E1006, E1008, E1009 thì người khai hải quan nhập thủ công mức thuế suất thuế nhập khẩu vào ô này. Nhập "0" trong trường hợp "Mã biểu thuế nhập khẩu" nhập mã B30. - Chỉ tiêu không bắt buộc khai	
1.41	Mô tả hàng hóa	Mô tả chi tiết hàng hóa bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh	
1.42	Mã nước xuất xứ	Nhập mã nước, vùng lãnh thổ nơi hàng hóa được chế tạo (sản xuất) theo bảng mã UN/LOCODE (căn cứ vào chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa hoặc các tài liệu khác có liên quan đến lô hàng).	x
1.43	Mã Biểu thuế nhập khẩu	Nhập mã Biểu thuế nhập khẩu tương ứng loại thuế suất thuế nhập khẩu áp dụng theo "Bảng mã Biểu thuế nhập khẩu" trên website Hải quan. Lưu ý: - Trường hợp hàng hóa đáp ứng điều kiện áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi tại Chương 98 thì đối chiếu với "Biểu thuế Chương 98 - B02 và B17" trên website Hải quan để nhập mã Biểu thuế nhập khẩu là B02 hoặc B17 tương ứng với mã số hàng hóa tại Chương 98. - Đối với hàng hóa thuộc đối tượng miễn thuế không được khai mã Biểu thuế của đối tượng không chịu thuế nhập khẩu mà phải lựa chọn mã Biểu thuế tương ứng với loại thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo "Bảng mã Biểu thuế nhập khẩu" trên website của Cục Hải quan www.customs.gov.vn."	x

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

		- Chỉ tiêu không bắt buộc khai.	
1.44	Số lượng (1)	Ô 1: Nhập số lượng hàng hóa nhập khẩu của từng mặt hàng theo đơn vị tính trong Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam hoặc theo thực tế hoạt động giao dịch. Lưu ý: (1) Trường hợp hàng hóa chịu thuế tuyệt đối, nhập số lượng theo đơn vị tính thuế tuyệt đối theo quy định. (2) Có thể nhập đến 02 số sau dấu thập phân. (3) Trường hợp số lượng thực tế có phần thập phân vượt quá 02 ký tự, người khai hải quan thực hiện làm tròn số thành 02 ký tự thập phân sau dấu phẩy để khai số lượng đã làm tròn vào ô này, đồng thời khai số lượng thực tế và đơn giá hóa đơn vào ô "Mô tả hàng hóa" theo nguyên tắc sau: "mô tả hàng hóa #& số lượng" (không khai đơn giá vào ô "Đơn giá hóa đơn"). Ô 2: Nhập mã đơn vị tính theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu hoặc theo thực tế giao dịch. (tham khảo bảng mã đơn vị tính trên website Hải quan) Lưu ý: Trường hợp hàng hóa chịu thuế tuyệt đối, nhập mã đơn vị tính thuế tuyệt đối theo quy định (tham khảo mã đơn vị tính tại "Bảng mã áp dụng mức thuế tuyệt đối" trên website Hải quan).	x
1.45	Trị giá dòng hàng/mục hàng (nguyên tệ)	Ô 1: Nhập số tiền thanh toán nguyên tệ của dòng hàng/mục hàng. Đối với hàng hóa FOC/hàng khuyến mại: để trống. Ô 2: Nhập mã nguyên tệ đồng tiền thanh toán. Ghi chú: Chỉ tiêu này chỉ khai khi các dòng hàng áp dụng mức thuế suất VAT không đồng nhất.	
1.46	Trị giá tính thuế (VNĐ)	(1) Hệ thống tự động phân bổ trị giá tính thuế (VNĐ) theo số tiền thanh toán nguyên tệ của từng dòng hàng. Trường hợp tính trị giá tính thuế thủ công thì nhập trị giá tính thuế của từng dòng hàng. (2) Đối với hàng hóa FOC/hàng khuyến mại nhập trị giá tính thuế theo trị giá của hàng hóa. (3) Hệ thống ưu tiên trị giá được nhập thủ công.	
1.47	Đơn giá của dòng hàng/mục	Ô 1: Nhập đơn giá của dòng hàng/mục hàng. Đối với hàng FOC/khuyến mại: để trống.	x

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

	hàng	Ô 2: Nhập mã đơn vị tiền tệ của đồng tiền thanh toán. Lưu ý: - Đơn giá dòng hàng/mục hàng x số lượng = trị giá dòng hàng/mục hàng. - Trường hợp không có hóa đơn thì không khai chỉ tiêu này. - Chỉ tiêu không bắt buộc khai.	
1.48	Mã miễn thuế nhập khẩu	Nhập mã miễn thuế nhập khẩu theo một trong các mã sau: 1. MTG: Miễn theo trị giá tối thiểu 2. MTT: Miễn theo tiền thuế tối thiểu. Trường hợp miễn theo số tiền thuế tối thiểu thì người khai hải quan phải thực hiện khai báo đầy đủ các chỉ tiêu thông tin về mã số hàng hóa, biểu thuế, số lượng, trị giá,... để tính thuế.	
1.49	Mã áp dụng thuế suất/mức thuế và thu khác	Nhập mã áp dụng thuế suất/mức thuế trong trường hợp hàng hóa phải chịu thuế nhập khẩu bổ sung (thuế tự vệ, thuế chống bán phá giá,...), thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng. Lưu ý: (1) Phải nhập theo thứ tự: thuế nhập khẩu bổ sung, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng. Trường hợp hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế thì nhập mã sắc thuế đồng thời phải nhập mã đối tượng không chịu thuế tại chỉ tiêu Mã miễn/giảm/không chịu thuế và thu khác. Trường hợp hàng hóa không áp dụng các loại thuế và thu khác thì không phải nhập vào ô này. (Tham khảo bảng mã áp dụng thuế suất/mức thuế và mã sắc thuế trên website Hải quan) (2) Ngày đăng ký tờ khai nhập khẩu phải trong thời hạn hiệu lực áp dụng thuế suất/mức thuế. - Chỉ tiêu không bắt buộc khai	x
1.50	Mã miễn/giảm/ không chịu thuế và thu khác	Nhập mã miễn/giảm/không chịu thuế và thu khác tương tự như nhập mã miễn/giảm/không chịu thuế nhập khẩu. Ngày đăng ký tờ khai nhập khẩu hàng hóa được miễn/giảm/không chịu thuế là ngày còn trong thời hạn hiệu lực áp dụng.	x

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

		(Tham khảo bảng mã miễn/giảm/không chịu thuế và thu khác trên website Hải quan) - Chỉ tiêu không bắt buộc khai	
1.51	Số tiền giảm thuế và thu khác	- Nhập số tiền giảm thuế và thu khác. - Chỉ tiêu không bắt buộc khai	
Mẫu số 02	**Tờ khai hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu trị giá thấp**		
A	***Thông tin chung***		
2.1	Số tờ khai	Không phải nhập liệu, hệ thống tự động cấp số tờ khai. Lưu ý: cơ quan hải quan và các cơ quan khác có liên quan sử dụng 11 ký tự đầu của số tờ khai. Ký tự số 12 chỉ thể hiện số lần khai bổ sung.	
2.2	Mã loại hình	Nhập "B14"	
2.3	Mã phân loại hàng hóa	Nhập mã phân loại hàng hóa: "P": Hàng bưu chính "E": Hàng chuyển phát nhanh	
2.4	Mã hiệu phương thức vận chuyển	Căn cứ phương thức vận chuyển để lựa chọn một trong các mã sau: "1": Đường không "2": Đường biển (container) "3": Đường biển (hàng rời, lỏng...) "4": Đường bộ (xe tải) "5": Đường sắt "6": Đường sông "9": Khác	
2.5	Cơ quan Hải quan	(1) Nhập mã cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan theo quy định của pháp luật. Trường hợp không nhập, Hệ thống sẽ tự động xác định mã cơ quan hải quan đăng ký tờ khai dựa trên địa điểm lưu giữ hàng chờ thông quan. (2) Tham khảo bảng mã trên website Hải quan.	x
2.6	Mã bộ phận xử lý tờ khai	(1) Nhập mã bộ phận xử lý tờ khai. (2) Trường hợp không nhập, Hệ thống sẽ tự động xác định mã bộ phận xử lý tờ khai. (3) Tham khảo bảng mã trên website Hải quan.	x

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2.7	Mã người xuất khẩu	Nhập Số định danh cá nhân hoặc mã số thuế của tổ chức. Trường hợp không có số định danh cá nhân, mã số thuế: nhập NN- số hộ chiếu cá nhân hoặc NN- số hộ chiếu của người đại diện của tổ chức.	
2.8	Tên người xuất khẩu	Nhập họ tên người xuất khẩu hoặc tên của tổ chức	
2.9	Địa chỉ người xuất khẩu	Nhập địa chỉ cụ thể của người xuất khẩu hoặc tổ chức xuất khẩu	
2.10	Số điện thoại người xuất khẩu	(1) Nhập số điện thoại của người xuất khẩu (không sử dụng dấu gạch ngang). Nếu hệ thống tự động hiển thị, không cần nhập liệu. (2) Trường hợp số điện thoại của người xuất khẩu mà hệ thống hiển thị không đúng, thì nhập vào số điện thoại chính xác.	
2.11	Mã người nhập khẩu	Nhập mã người nhập khẩu (nếu có).	
2.12	Tên người nhập khẩu	Nhập tên người nhập khẩu	
2.13	Mã nước	(1) Nhập mã nước người nhập khẩu gồm 02 ký tự theo bảng mã UN LOCODE (tham khảo bảng mã nước tại website Hải quan). (2) Không phải nhập liệu trong trường hợp không xác định được nước xuất khẩu hoặc không có trong bảng mã UN LOCODE.	x
2.14	Mã đại lý Hải quan	Nhập mã số đại lý hải quan	
2.15	Số vận đơn	Số vận đơn bao gồm phần số, phần chữ và các kí tự đặc biệt. Ô 1: Nhập số vận đơn chủ do hãng vận chuyển hoặc bưu chính các nước ban hành (Master bill, CN37, CN38,...). Ô 2: Nhập số vận đơn thứ cấp do Đại lý hàng không, Đại lý giao nhận hàng hóa (Forwarder), bưu chính các nước ban hành (B/L, số AWB, CN22, CN23, E1QT, ...) Ô 3: Nhập ngày tháng năm của vận đơn thứ cấp.	
2.16	Số lượng	Ô 1: Nhập tổng số lượng kiện hàng hóa (căn cứ vào hóa đơn thương mại, phiếu đóng gói, vận đơn,...)	x

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

		Lưu ý: - Không nhập phần thập phân - Nhập là "1" đối với hàng hóa không thể hiện bằng đơn vị tính (kiện, thùng,...) Ô 2: Nhập mã đơn vị tính Ví dụ: CS: thùng, BX: hộp (Tham khảo bảng mã loại kiện trên website Hải quan)	
2.17	Tổng trọng lượng hàng (Gross)	Ô 1: Nhập tổng trọng lượng hàng (căn cứ vào phiếu đóng gói, hóa đơn thương mại hoặc chứng từ vận chuyển) Lưu ý: - Trường hợp tại chỉ tiêu thông tin "Mã phương thức vận chuyển" người khai chọn mã "1": có thể nhập 08 ký tự cho phần nguyên và 01 ký tự cho phần thập phân. Nếu vượt quá 01 ký tự phần thập phân thì nhập tổng trọng lượng chính xác vào ô "Ghi chú". - Đối với các phương thức vận chuyển khác: có thể nhập 06 ký tự cho phần nguyên và 03 ký tự cho phần thập phân. - Trường hợp mã của tổng trọng lượng hàng là "LBR" (pound), hệ thống sẽ tự động chuyển đổi sang KGM (kilogram). Ô 2: Nhập mã đơn vị tính của tổng trọng lượng hàng theo chuẩn UN/ECE Ví dụ: KGM: kilogram TNE: tấn LBR: pound (Tham khảo bảng mã đơn vị tính trên website Hải quan) - Trường hợp nhập mã đơn vị tính khác LBR, xuất ra mã trọng lượng đơn vị tính. - Trường hợp nhập là "LBR" (pound), xuất ra KGM.	x
2.18	Mã địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến	Nhập mã địa điểm lưu kho của doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát nhanh hoặc nhập mã địa điểm nơi lưu giữ hàng hóa khi khai báo xuất khẩu	x
2.19	Địa điểm	Ô 1: Nhập mã địa điểm xếp hàng theo UN	x

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

	xếp hàng	LOCODE. (Tham khảo các bảng mã "Cảng -ICD trong nước", "Cửa khẩu đường bộ - Ga đường sắt" và "Sân bay trong nước" trên website Hải quan) Ô 2: Nhập tên địa điểm xếp hàng (Không bắt buộc trong trường hợp hệ thống hỗ trợ tự động)	
2.20	Ngày hàng đi dự kiến	Nhập ngày hàng đi dự kiến (ngày/tháng/năm)	
2.21	Tỷ giá	Không phải nhập liệu, hệ thống tự động cập nhật tỷ giá	
2.22	Trị giá hóa đơn (nguyên tệ)	Ô 1: Nhập tổng số tiền thanh toán nguyên tệ. Ô 2: Nhập mã nguyên tệ	
2.23	Tổng trị giá tính thuế (nguyên tệ)	Ô 1: Nhập tổng số tiền thanh toán nguyên tệ tính đến cửa khẩu xuất (không bao gồm phí vận chuyển quốc tế và phí bảo hiểm quốc tế, nếu doanh nghiệp có chứng từ, tài liệu tách được hai khoản phí này ra khỏi trị giá hải quan) và trị giá hàng FOC/khuyến mại. Ô 2: Nhập mã nguyên tệ	
2.24	Tổng trị giá tính thuế (VNĐ)	Không phải nhập liệu, hệ thống căn cứ trị giá tính thuế (nguyên tệ) để tính tổng trị giá tính thuế (VNĐ).	
2.25	Chứng từ đính kèm	Khai chứng từ đính kèm (nếu có)	
2.26	Phân loại chỉ thị của Hải quan	(Phần dành cho công chức hải quan) Nhập mã phân loại thông báo của công chức hải quan: "A": Hướng dẫn sửa đổi "B": Thay đổi khai báo xuất khẩu	
2.27	Ngày chỉ thị của Hải quan	(Phần dành cho công chức hải quan) Nhập ngày/tháng/năm công chức hải quan thông báo tới người khai hải quan.	
2.28	Tên chỉ thị của Hải quan	(Phần dành cho công chức hải quan) Nhập trích yếu nội dung thông báo	
2.29	Nội dung chỉ thị của Hải quan	(Phần dành cho công chức hải quan) Nhập nội dung thông báo tới người khai hải quan.	
2.30	Ghi chú	Nhập các nội dung cần ghi chú.	

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

		(1) Trường hợp xuất khẩu của những lô hàng thuê gia công nước ngoài thì nhập số tờ khai xuất gia công ban đầu. (2) Trường hợp hàng hóa nhập khẩu để thực hiện dự án ODA viện trợ không hoàn lại của Việt Nam cho nước ngoài thì khi đăng ký tờ khai xuất khẩu phải nhập số tờ khai nhập khẩu hàng hóa ban đầu. (3) Trường hợp mã loại hình không hỗ trợ khai báo vận chuyển kết hợp thì khai các thông tin sau: thời gian, tuyến đường, cửa khẩu đi và đến, mã địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế. (4) Trường hợp có thông báo từ phía cơ quan Hải quan thì nhập thông tin cần thiết ở đây. (5) Trường hợp có chứng từ, tài liệu tách được phí vận chuyển quốc tế và phí bảo hiểm quốc tế thì doanh nghiệp khai trị giá của phí bảo hiểm và phí vận chuyển quốc tế. (6) Trường hợp hàng hóa có hàng FOC/khuyến mại thì liệt kê số thứ tự của dòng hàng.	
B	***Thông tin khai báo chi tiết hàng hóa***		
2.31	Mô tả hàng hóa	Mô tả chi tiết hàng hóa bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh	
2.32	Số lượng (1)	Ô 1: Nhập số lượng hàng hóa xuất khẩu của từng dòng hàng theo đơn vị tính trong Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam. (1) Trường hợp hàng hóa chịu thuế tuyệt đối, nhập số lượng theo đơn vị tính thuế tuyệt đối theo quy định. (2) Có thể nhập đến 02 số sau dấu thập phân. (3) Trường hợp hàng hóa phải nộp phí cà phê, hồ tiêu, hạt điều, bảo hiểm cà phê, nhập số lượng theo đơn vị tính phí/bảo hiểm theo quy định. (4) Trường hợp số lượng thực tế có phần thập phân vượt quá 02 ký tự, người khai hải quan thực hiện làm tròn số thành 02 ký tự thập phân sau dấu phẩy để khai số lượng đã làm tròn vào ô này, đồng thời khai số lượng thực tế và đơn giá hóa đơn vào ô "Mô tả hàng hóa" theo nguyên tắc sau: "mô tả hàng hóa #& số lượng" (không khai đơn giá vào ô "Đơn giá hóa đơn"). Ô 2: Nhập mã đơn vị tính theo Danh mục hàng hóa	x

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

		xuất khẩu, nhập khẩu, (tham khảo bảng mã đơn vị tính trên website Hải quan) Trường hợp hàng hóa chịu thuế tuyệt đối, nhập mã đơn vị tính thuế tuyệt đối theo quy định (tham khảo mã đơn vị tính tại Bảng mã áp dụng mức thuế tuyệt đối trên website Hải quan).	
2.33	Trị giá dòng hàng/mục hàng (nguyên tệ)	Ô 1: Nhập số tiền thanh toán nguyên tệ của dòng hàng/mục hàng. Đối với hàng hóa FOC/hàng khuyến mại: để trống. Ô 2: Nhập mã nguyên tệ đồng tiền thanh toán. Ghi chú: Chỉ tiêu này chỉ khai khi các dòng hàng áp dụng mức thuế suất VAT không đồng nhất.	
2.34	Trị giá tính thuế (VNĐ)	(1) Hệ thống tự động phân bổ trị giá tính thuế (VNĐ) theo số tiền thanh toán nguyên tệ của từng dòng hàng. Trường hợp tính trị giá tính thuế thủ công thì nhập trị giá tính thuế của từng dòng hàng. (2) Đối với hàng hóa FOC/hàng khuyến mại nhập trị giá tính thuế theo trị giá của hàng hóa. (3) Hệ thống ưu tiên trị giá được nhập thủ công.	
2.35	Đơn giá của dòng hàng/mục hàng	Ô 1: Nhập đơn giá của dòng hàng/mục hàng. Đối với hàng FOC/khuyến mại: để trống. Ô 2: Nhập mã đơn vị tiền tệ của đồng tiền thanh toán. Lưu ý: - Đơn giá dòng hàng/mục hàng x số lượng = trị giá dòng hàng/mục hàng. - Trường hợp không có hóa đơn thì không khai chỉ tiêu này. - Chỉ tiêu không bắt buộc khai.	

Phần B. Các chỉ tiêu thông tin trên tờ khai hải quan điện tử không được khai bổ sung

STT	Chỉ tiêu thông tin
1	**Tờ khai hải quan điện tử đối với hàng hóa nhập khẩu trị giá thấp**
1.1	Mã loại hình
1.2	Cơ quan Hải quan
1.3	Mã người nhập khẩu
1.4	Mã địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến
2	**Tờ khai hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu trị giá thấp**

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2.1	Mã loại hình
2.2	Cơ quan Hải quan
2.3	Mã người xuất khẩu
2.4	Mã địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến

Phần C. Chỉ tiêu thông tin liên quan đến thủ tục hải quan điện tử đối với tờ khai bổ sung sau thông quan.

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú	Bảng mã
A	***Thông tin chung***		
1.1	Số tờ khai bổ sung	Không phải nhập liệu, hệ thống hải quan tự động cấp số tờ khai bổ sung	
1.2	Ngày đăng ký tờ khai	Không phải nhập liệu, hệ thống hải quan tự động ghi nhận ngày đăng ký tờ khai bổ sung	
1.3	Cơ quan hải quan	Nhập mã cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai ban đầu.	
1.4	Số tờ khai ban đầu	Nhập số tờ khai xuất khẩu hoặc nhập khẩu ban đầu.	
1.5	Ngày khai báo xuất nhập khẩu	Nhập ngày khai báo xuất khẩu hoặc nhập khẩu của tờ khai ban đầu.	
1.6	Ngày cấp phép xuất nhập khẩu	Nhập ngày thông quan của tờ khai xuất khẩu hoặc nhập khẩu ban đầu.	
1.7	Mã loại hình	Nhập mã loại hình của tờ khai xuất khẩu hoặc nhập khẩu ban đầu.	
1.8	Mã người khai hải quan	Nhập mã số thuế của người khai hải quan.	
1.9	Tên người khai hải quan	Nhập tên người khai hải quan trong trường hợp chưa được đăng ký với Hệ thống.	
1.10	Địa chỉ của người khai	(1) Nhập địa chỉ của người khai hải quan (không phải nhập trong trường hợp hệ thống tự động hiển thị). (2) Trong trường hợp hệ thống tự động hiển thị địa chỉ khác với khai báo thì nhập lại địa chỉ đúng.	
1.11	Số điện thoại của người khai	(1) Nhập số điện thoại của người khai hải quan. (2) Không phải nhập trong trường hợp hệ thống tự động hiển thị.	

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú	Bảng mã
		(3) Trong trường hợp số điện thoại tự động hiển thị không đúng, nhập lại số điện thoại đúng.	
B	***Thông tin khai báo chi tiết khai bổ sung***		
1.12	Chỉ tiêu thông tin khai bổ sung	Tên chỉ tiêu thông tin cần khai bổ sung.	x
1.13	Nội dung trước khi khai bổ sung	Nhập nội dung trước khi khai bổ sung	
1.14	Nội dung sau khi khai bổ sung	Nhập nội dung sau khi khai bổ sung	
1.15	Lý do	Nhập lý do khai bổ sung	
1.16	Chứng từ chứng minh	Liệt kê các chứng từ chứng minh việc khai bổ sung gửi kèm	

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Phụ lục III

THAY THẾ PHỤ LỤC III, DANH MỤC 1 BAN HÀNH KÈM THEO THÔNG TƯ SỐ 56/2019/TT-BTC

(Ban hành kèm Thông tư số 142/2026/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

"Phụ lục III

CHỈ TIÊU THÔNG TIN VỀ GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú
Mẫu số 01	**Danh sách hàng hóa vào kho, địa điểm**	**Thực hiện khai báo đến cơ quan hải quan khi hàng hóa vào kho, địa điểm**
1.1	Hình thức hàng hóa	Hình thức hàng hóa: Nhập khẩu, Xuất khẩu, Khác
1.2	Số vận đơn chủ	Số vận đơn chủ do hãng vận chuyển ban hành. Trường hợp hàng hóa xuất khẩu chưa có thông tin: nhập NA
1.3	Số vận đơn thứ cấp	Số vận đơn thứ cấp do Đại lý hàng không, Đại lý giao nhận hàng hóa (Forwarder) ban hành.
1.4	Tên hàng	Tên hàng, mô tả hàng hóa
1.5	Số lượng hàng	Tổng số kiện hàng
1.6	ĐVT số lượng hàng	Nhập mã đơn vị tính số lượng hàng (Tham khảo bảng "Mã loại kiện" trên website Hải quan).
1.7	Trọng lượng hàng	Tổng trọng lượng hàng hóa
1.8	ĐVT trọng lượng hàng	Nhập mã đơn vị tính của trọng lượng hàng theo chuẩn UN/ECE (Tham khảo bảng "Mã đơn vị tính" trên website Hải quan)
1.9	Số hiệu phương tiện vận chuyển	Số hiệu chuyến bay/Biển số phương tiện/Số hiệu tàu/ Tên tàu biển chở hàng
1.10	Ngày hàng đến cửa khẩu nhập/xuất	- Đối với hàng nhập khẩu: Thời gian dự kiến hàng đến cửa khẩu nhập tại Việt Nam. - Đối với hàng xuất khẩu: Thời gian dự kiến hàng đến cửa khẩu xuất.
1.11	Ngày vào kho, địa điểm	Ngày đưa hàng hóa vào kho, địa điểm
Mẫu số 02	**Sửa đổi, bổ sung Danh sách hàng hóa vào kho, địa điểm**	**Thực hiện khai báo đến cơ quan hải quan khi thay đổi thông tin hàng hóa vào kho, địa điểm**

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2.1	Hình thức hàng hóa	Hình thức hàng hóa: Nhập khẩu, Xuất khẩu, Khác
2.2	Số vận đơn chủ	Số vận đơn chủ do hãng vận chuyển ban hành
2.3	Số vận đơn thứ cấp	Số vận đơn thứ cấp do Đại lý hàng không, Đại lý giao nhận hàng hóa (Forwarder) ban hành
2.4	Tên hàng	Tên hàng, mô tả hàng hóa
2.5	Số lượng hàng	Tổng số kiện hàng
2.6	ĐVT số lượng hàng	Nhập mã đơn vị tính số lượng hàng (Tham khảo bảng "Mã loại kiện" trên website Hải quan)
2.7	Trọng lượng hàng	Tổng trọng lượng hàng hóa
2.8	ĐVT trọng lượng hàng	Nhập mã đơn vị tính của trọng lượng hàng theo chuẩn UN/ECE (Tham khảo bảng "Mã đơn vị tính" trên website Hải quan)
2.9	Số hiệu phương tiện vận chuyển	Số hiệu chuyến bay/Biển số phương tiện/Số hiệu tàu/ Tên tàu biển chở hàng
2.10	Ngày hàng đến cửa khẩu nhập/xuất	- Đối với hàng nhập khẩu: Thời gian dự kiến hàng đến cửa khẩu nhập tại Việt Nam. - Đối với hàng xuất khẩu: Thời gian dự kiến hàng đến cửa khẩu xuất.
2.11	Ngày vào kho, địa điểm	Ngày đưa hàng hóa vào kho, địa điểm
2.12	Lý do sửa	Lý do sửa
Mẫu số 03	**Hủy Danh sách hàng hóa vào kho, địa điểm**	**Thực hiện khai báo đến cơ quan hải quan khi hủy thông tin hàng hóa vào kho, địa điểm**
3.1	Hình thức hàng hóa	Hình thức hàng hóa: Nhập khẩu, Xuất khẩu, Khác
3.2	Số vận đơn chủ	Số vận đơn chủ do hãng vận chuyển ban hành.
3.3	Số vận đơn thứ cấp	Số vận đơn thứ cấp do Đại lý hàng không, Đại lý giao nhận hàng hóa (Forwarder) ban hành
3.4	Số hiệu phương tiện vận chuyển	Số hiệu chuyến bay/Biển số phương tiện/Số hiệu tàu/ Tên tàu biển chở hàng
3.5	Ngày hàng đến cửa khẩu nhập/xuất	- Đối với hàng nhập khẩu: Thời gian dự kiến hàng đến cửa khẩu nhập tại Việt Nam. - Đối với hàng xuất khẩu: Thời gian dự kiến hàng đến cửa khẩu xuất.
3.6	Lý do hủy	Lý do hủy

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu số 04	**Danh sách hàng hóa sai khác**	**Thực hiện khai báo đến cơ quan hải quan khi thông tin hàng hóa vào kho, địa điểm sai khác**
4.1	Số vận đơn chủ	Số vận đơn chủ do hãng vận chuyển ban hành
4.2	Số vận đơn thứ cấp	Số vận đơn thứ cấp do Đại lý hàng không, Đại lý giao nhận hàng hóa (Forwarder) ban hành
4.3	Số lượng hàng	Tổng số kiện hàng
4.4	ĐVT số lượng hàng	Nhập mã đơn vị tính số lượng hàng (Tham khảo bảng "Mã loại kiện" trên website Hải quan)
4.5	Trọng lượng hàng	Tổng trọng lượng hàng hóa
4.6	ĐVT trọng lượng hàng	Nhập mã đơn vị tính của trọng lượng hàng theo chuẩn UN/ECE (Tham khảo bảng "Mã đơn vị tính" trên website Hải quan)
4.7	Loại sai khác	Nhập định dạng thông tin sai khác như sau: 1. Không có thông tin theo danh sách dự kiến do cơ quan hải quan cung cấp nhưng thực tế có hàng hóa vào kho, địa điểm. 2. Có thông tin theo danh sách dự kiến do cơ quan hải quan thông báo nhưng hàng hóa không vào kho, địa điểm. 3. Không đảm bảo nguyên trạng hàng hóa do rách, vỡ. 4. Không đảm bảo nguyên niêm phong theo danh sách hàng hóa dự kiến do cơ quan hải quan cung cấp. 5. Loại khác (chỉ khai báo khi có hướng dẫn cụ thể của Cục Hải quan).
4.8	Chi tiết thông tin sai khác	Mô tả chi tiết thông tin sai khác
Mẫu số 05	**Danh sách hàng hóa ra khỏi kho, địa điểm**	
Mẫu số 05a		***Thực hiện khai báo đối với thông tin hàng hóa được mở tờ khai hải quan trên Hệ thống AVP-Ecom khi hàng hóa ra khỏi kho, địa điểm***
5.1	Hình thức hàng hóa	Hình thức hàng hóa: Nhập khẩu, Xuất khẩu, Khác
5.2	Số tờ khai/chứng từ	Số tờ khai hải quan/chứng từ
5.3	Ngày tờ khai/chứng từ	Ngày tháng năm tờ khai/chứng từ
5.4	Mã loại hình	Nhập mã loại hình của tờ khai

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

5.5	Mã hải quan	Mã hải quan khai báo của tờ khai/chứng từ
5.6	Ngày đăng ký	Ngày đăng ký tờ khai/chứng từ
5.7	Số vận đơn chủ	Số vận đơn chủ do Hãng vận chuyển ban hành
5.8	Số vận đơn thứ cấp	Số vận đơn thứ cấp do Đại lý hàng không, Đại lý giao nhận hàng hóa (Forwarder) ban hành
5.9	Tên hàng	Tên hàng, mô tả hàng hóa
5.10	Số lượng	Tổng số kiện hàng hóa
5.11	Số hiệu phương tiện vận chuyển	Số hiệu chuyến bay/Biển số phương tiện/Số hiệu tàu/ Tên tàu biển chở hàng
5.12	Ngày giờ ra khỏi kho, địa điểm	Ngày giờ ra khỏi khu vực giám sát hải quan (getout) YYYY-MM-DD HH:mm:ss
Mẫu số 05b		***Thực hiện khai báo đối với thông tin hàng hóa được mở tờ khai hải quan ở hệ thống khác, tờ khai hải quan giấy khi hàng hóa ra khỏi kho, địa điểm***
5.13	Hình thức hàng hóa	Hình thức hàng hóa: Nhập khẩu, Xuất khẩu, Khác
5.14	Số tờ khai/chứng từ	Số tờ khai hải quan/chứng từ được mở ở các hệ thống khác như VNACCS, ECUS6…
5.15	Ngày đăng ký	Ngày đăng ký tờ khai/chứng từ
5.16	Mã loại hình	Nhập mã loại hình của tờ khai
5.17	Mã hải quan	Mã hải quan khai báo của tờ khai/chứng từ
5.18	Số hiệu phương tiện vận chuyển	Số hiệu chuyến bay/Biển số phương tiện/Số hiệu tàu/ Tên tàu biển chở hàng
5.19	Số vận đơn chủ	Số vận đơn chủ do hãng vận chuyển ban hành
5.20	Số vận đơn thứ cấp	Số vận đơn thứ cấp do Đại lý hàng không, Đại lý giao nhận hàng hóa (Forwarder) ban hành
5.21	Tên hàng	Tên hàng, mô tả hàng hóa
5.22	Số lượng	Tổng số kiện hàng hóa
5.23	Ngày giờ xuất kho, địa điểm	Ngày giờ ra khỏi khu vực giám sát hải quan (getout) YYYY-MM-DD HH:mm:ss
Mẫu số 06	**Thông tin hàng hóa đủ điều kiện qua KVGS**	
Mẫu số 06a		***Thực hiện gửi danh sách tờ khai hải quan được mở trên Hệ thống AVP-Ecom đủ điều kiện lấy hàng ra khỏi kho, địa điểm***

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

6.1	Số vận đơn chủ	Số vận đơn chủ do Hãng vận chuyển ban hành
6.2	Số vận đơn thứ cấp	Số vận đơn thứ cấp do Đại lý hàng không, Đại lý giao nhận hàng hóa (Forwarder) ban hành
6.3	Số lượng hàng	Tổng số kiện hàng hóa
6.4	ĐVT số lượng hàng	Nhập mã đơn vị tính số lượng hàng (Tham khảo bảng "Mã loại kiện" trên website Hải quan)
6.5	Trọng lượng hàng	Tổng trọng lượng hàng hóa
6.6	ĐVT trọng lượng hàng	Nhập mã đơn vị tính của trọng lượng hàng theo chuẩn UN/ECE (Tham khảo bảng "Mã đơn vị tính" trên website Hải quan)
6.7	Tên hàng	Tên hàng, mô tả hàng hóa
6.8	Ghi chú khác	Nếu có
6.9	Số tờ khai/chứng từ	Số tờ khai hải quan/chứng từ
6.10	Ngày đăng ký tờ khai/ chứng từ	Ngày đăng ký tờ khai hải quan/chứng từ
Mẫu số 06b		***Thực hiện gửi danh sách tờ khai/chứng từ được mở ở hệ thống khác, tờ khai hải quan giấy đủ điều kiện lấy hàng ra khỏi kho, địa điểm***
6.11	Hình thức hàng hóa	Hình thức hàng hóa: Nhập khẩu, Xuất khẩu, Khác
6.12	Số tờ khai/chứng từ	Số tờ khai hải quan/chứng từ được mở ở các hệ thống khác như VNACCS, ECUS6...
6.13	Ngày tờ khai/chứng từ	Ngày đăng ký tờ khai hải quan/chứng từ
6.14	Mã loại hình	Nhập mã loại hình của tờ khai
6.15	Mã hải quan	Mã hải quan khai báo của tờ khai/chứng từ
6.16	Ngày đăng ký	Ngày đăng ký tờ khai/chứng từ
6.17	Số vận đơn chủ	Số vận đơn chủ do hãng vận chuyển ban hành
6.18	Số vận đơn thứ cấp	Số vận đơn thứ cấp do Đại lý hàng không, Đại lý giao nhận hàng hóa (Forwarder) ban hành
6.19	Số hiệu phương tiện vận chuyển	Số hiệu chuyến bay/Biển số phương tiện/Số hiệu tàu/ Tên tàu biển chở hàng
6.20	Số lượng/ trọng lượng hàng	Số lượng/trọng lượng hàng trên tờ khai hải quan
6.21	Đơn vị tính số lượng/ trọng lượng	Đơn vị tính của số lượng/trọng lượng hàng trên tờ khai hải quan.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

6.22	Ghi chú	Nếu có
Mẫu số 06c		***Thông tin cơ quan Hải quan phản hồi danh sách tờ khai/chứng từ được mở ở hệ thống khác, tờ khai hải quan giấy đủ điều kiện lấy hàng ra khỏi kho, địa điểm***
6.23	Hình thức hàng hóa	Hình thức hàng hóa: Nhập khẩu; Xuất khẩu, Khác
6.24	Số tờ khai/chứng từ	Số tờ khai hải quan/chứng từ được mở ở các hệ thống khác như VNACCS, ECUS6…
6.25	Ngày tờ khai/chứng từ	Ngày đăng ký tờ khai hải quan/chứng từ
6.26	Mã loại hình	Nhập mã loại hình của tờ khai
6.27	Mã hải quan	Mã hải quan khai báo của tờ khai/chứng từ
6.28	Số hiệu phương tiện vận chuyển	Số hiệu chuyến bay/Biển số phương tiện/Số hiệu tàu/ Tên tàu biển chở hàng
6.29	Số vận đơn chủ	Số vận đơn chủ do hãng vận chuyển ban hành
6.30	Số vận đơn thứ cấp	Số vận đơn thứ cấp do Đại lý hàng không, Đại lý giao nhận hàng hóa (Forwarder) ban hành
6.31	Số lượng/ trọng lượng hàng	Số lượng/trọng lượng hàng trên tờ khai hải quan
6.32	Đơn vị tính số lượng/ trọng lượng	Đơn vị tính của số lượng/trọng lượng hàng trên tờ khai hải quan.
6.33	Phản hồi hải quan	Nội dung phản hồi phê duyệt/ từ chối danh sách tờ khai mở ở hệ thống khác do doanh nghiệp gửi lên.
Mẫu số 07	**Thay đổi trạng thái tờ khai**	**Cơ quan hải quan cung cấp thông tin thay đổi trạng thái tờ khai đủ điều kiện qua khu vực giám sát (tạm dừng/bỏ tạm dừng; hủy)**
7.1	Số tờ khai/chứng từ	Số tờ khai hải quan/chứng từ
7.2	Ngày tờ khai/chứng từ	Ngày đăng ký tờ khai hải quan/chứng từ
7.3	Mã loại hình	Nhập mã loại hình của tờ khai
7.4	Mã hải quan	Mã Hải quan khai báo của tờ khai/chứng từ
7.5	Trạng thái tờ khai/ chứng từ	1: Được phép qua KVGS 0: Không được phép qua KVGS

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

7.6	Loại lý do	Nêu rõ lý do theo từng trường hợp như sau: 1. Tạm dừng đưa hàng qua KVGS 2. Bỏ tạm dừng đưa hàng qua KVGS 3. Hủy sau thông quan
Mẫu số 08	**Hủy Danh sách hàng hóa ra kho, địa điểm**	**Thực hiện khai báo đến cơ quan hải quan khi hủy thông tin hàng hóa ra kho, địa điểm**
8.1	Hình thức hàng hóa	Hình thức hàng hóa: Nhập khẩu, Xuất khẩu, Khác
8.2	Số tờ khai/chứng từ	Số tờ khai hải quan/chứng từ
8.3	Ngày tờ khai/chứng từ	Ngày đăng ký tờ khai hải quan/chứng từ
8.4	Mã loại hình	Nhập mã loại hình của tờ khai
8.5	Mã hải quan	Mã Hải quan khai báo của tờ khai/chứng từ
8.6	Số vận đơn chủ	Số vận đơn chủ do Hãng vận chuyển ban hành
8.7	Số vận đơn thứ cấp	Số vận đơn thứ cấp do Đại lý hàng không, Đại lý giao nhận hàng hóa (Forwarder) ban hành
8.8	Số hiệu phương tiện vận chuyển	Số hiệu chuyến bay/Biển số phương tiện/Số hiệu tàu/ Tên tàu biển chở hàng
8.9	Ngày giờ ra khỏi kho, địa điểm	Ngày giờ ra khỏi khu vực giám sát hải quan (getout) YYYY-MM-DD HH:mm:ss
8.10	Lý do hủy	Lý do hủy

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Phụ lục IV

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỤC I VÀ MỤC II CỦA PHỤ LỤC II, DANH MỤC 2 THÔNG TƯ SỐ 56/2019/TT-BTC

(Ban hành kèm Thông tư số 142/2026/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

I. Tờ khai tài liệu, chứng từ không có giá trị thương mại

Phần A. Chỉ tiêu thông tin liên quan đến thủ tục hải quan điện tử đối với tài liệu, chứng từ không có giá trị thương mại

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú	Bảng mã
Mẫu số 01	**Tờ khai tài liệu, chứng từ không có giá trị thương mại (nhập khẩu)**		
1.1	Số tờ khai	Không phải nhập liệu, hệ thống tự động cấp số tờ khai.	
1.2	Mã loại hình	Nhập "A47"	
1.3	Mã hiệu phương thức vận chuyển	Căn cứ phương thức vận chuyển để lựa chọn một trong các mã sau: "1": Đường không "2": Đường biển (container) "3": Đường biển (hàng rời, lỏng...) "4": Đường bộ (xe tải) "5": Đường sắt "6": Đường sông "9": Khác	
1.4	Cơ quan Hải quan	Nhập mã Hải quan nơi đăng ký tờ khai (Tham khảo bảng mã trên website Hải quan).	x
1.5	Mã bộ phận xử lý tờ khai	Nhập mã bộ phận xử lý tờ khai (Tham khảo bảng mã trên website Hải quan).	x
1.6	Mã người nhập khẩu	Nhập số định danh cá nhân hoặc mã số thuế của tổ chức. Trường hợp không có số định danh cá nhân, mã số thuế: nhập NN- số hộ chiếu cá nhân hoặc NN- số hộ chiếu của người đại diện của tổ chức.	
1.7	Tên người nhập khẩu	Nhập họ tên của người nhập khẩu hoặc tên của tổ chức.	
1.8	Địa chỉ người nhập khẩu	Nhập địa chỉ cụ thể của người nhập khẩu hoặc tổ chức nhập khẩu.	
1.9	Số điện thoại người nhập	(1) Nhập số điện thoại của người nhập khẩu (không sử dụng dấu gạch ngang).	

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

	khẩu	Nếu hệ thống tự động hiển thị, không cần nhập liệu. (2) Trường hợp số điện thoại của người nhập khẩu mà hệ thống hiển thị không đúng, nhập vào số điện thoại chính xác.	
1.10	Tên người xuất khẩu	Nhập họ tên của người xuất khẩu hoặc tên của tổ chức.	
1.11	Mã nước	(1) Nhập mã nước người xuất khẩu gồm 02 kí tự theo bảng mã UN LOCODE (tham khảo bảng "Mã nước" tại website Hải quan). (2) Nhập mã nước chính xác nếu hệ thống hiển thị không đúng. (3) Không phải nhập liệu trong trường hợp không xác định được nước xuất khẩu hoặc không có trong bảng mã UN LOCODE.	x
1.12	Mã đại lý hải quan	Nhập mã số đại lý hải quan.	
1.13	Số vận đơn	Số vận đơn bao gồm phần số, phần chữ và các kí tự đặc biệt. Ô 1: Nhập số vận đơn chủ do hãng vận chuyển hoặc bưu chính các nước ban hành (Master bill, CN37, CN38,...). Ô 2: Nhập số vận đơn thứ cấp do Đại lý hàng không, Đại lý giao nhận hàng hóa (Forwarder), bưu chính các nước ban hành (B/L, số AWB, CN22, CN23, E1QT, ...) Ô 3: Nhập ngày tháng năm của vận đơn thứ cấp.	
1.14	Mô tả hàng hóa	Mô tả chi tiết hàng hóa bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh.	
1.15	Số lượng	Ô 1: Nhập tổng số lượng kiện hàng hóa (căn cứ vào hóa đơn thương mại, phiếu đóng gói, vận đơn,...) Lưu ý: - Không nhập phần thập phân; - Nhập là "1" đối với hàng hóa không thể hiện bằng đơn vị tính (kiện, thùng,...). Ô 2: Nhập mã đơn vị tính Ví dụ: CS: thùng, BX: hộp,.... (Tham khảo bảng "Mã loại kiện" trên website Hải quan)	x
1.16	Tổng trọng	Ô 1: Nhập tổng trọng lượng hàng (căn cứ vào phiếu	x

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

	lượng hàng (Gross)	đóng gói, hóa đơn thương mại hoặc chứng từ vận chuyển) Lưu ý: - Trường hợp tại chỉ tiêu thông tin "Mã phương thức vận chuyển" người khai chọn mã "1": có thể nhập 08 ký tự cho phần nguyên và 01 ký tự cho phần thập phân. Nếu vượt quá 01 ký tự phần thập phân thì nhập tổng trọng lượng chính xác vào ô "Ghi chú". - Đối với các phương thức vận chuyển khác: có thể nhập 06 ký tự cho phần nguyên và 03 ký tự cho phần thập phân. - Trường hợp mã của tổng trọng lượng hàng là "LBR" (pound), hệ thống sẽ tự động chuyển đổi sang KGM (kilogram). - Không phải nhập ô này trong trường hợp tại chỉ tiêu thông tin "Mã phương thức vận chuyển" người khai chọn mã "9". - Chỉ nhập tối đa trọng lượng tính theo kilogram là 02 Ô 2: Nhập mã đơn vị tính của tổng trọng lượng hàng theo chuẩn UN/ECE Ví dụ: KGM: kilogram TNE: tấn LBR: pound (Tham khảo bảng mã đơn vị tính trên website Hải quan) - Trường hợp nhập mã đơn vị tính khác LBR, xuất ra mã trọng lượng đơn vị tính. - Trường hợp nhập là "LBR" (pound), xuất ra KGM.	
1.17	Mã địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến	Nhập mã địa điểm lưu kho của doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát nhanh hoặc nhập mã địa điểm nơi lưu giữ hàng hóa khi khai báo nhập khẩu	
1.18	Phương tiện vận chuyển	Ô 1: Nhập hô hiệu (call sign) trong trường hợp vận chuyển bằng đường biển/sông. Nếu thông tin cơ bản của tàu chưa được đăng ký vào hệ thống thì nhập "9999". Ô 2: Nhập tên phương tiện vận chuyển (căn cứ vào	

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

		chứng từ vận tải: B/L, AWB,...) (1) Nhập tên tàu trong trường hợp vận chuyển bằng đường biển/sông. (2) Nếu không nhập liệu, hệ thống sẽ tự động xuất ra tên tàu đã đăng ký trên hệ thống dựa trên hô hiệu đã nhập ở ô 1. (3) Trường hợp vận chuyển hàng không: nhập mã hãng hàng không (02 ký tự), số chuyến bay (04 ký tự), gạch chéo (01 ký tự), ngày/tháng (ngày: 02 ký tự, tháng 03 ký tự viết tắt của các tháng bằng tiếng Anh). Ví dụ: AB0001/01JAN (4) Trường hợp vận chuyển đường bộ: nhập số xe tải. (5) Trường hợp vận chuyển đường sắt: nhập số tàu. (6) Không phải nhập trong trường hợp tại chỉ tiêu "Mã hiệu phương thức vận chuyển", người khai chọn mã "9" và trong trường hợp hệ thống hỗ trợ tự động xuất ra tên phương tiện vận chuyển.	
1.19	Ngày hàng đến	Nhập ngày dự kiến hàng hóa đến cửa khẩu theo chứng từ vận tải hoặc Thông báo hàng đến (Arrival notice) của người vận chuyển gửi cho người nhận hàng.	
1.20	Địa điểm dỡ hàng	Ô 1: Nhập mã địa điểm dỡ hàng: (1) Nhập mã cảng dỡ hàng (đường không, đường biển) theo vận đơn (B/L, AWB,...); (2) Nhập mã ga (đường sắt); (3) Nhập mã cửa khẩu (đường bộ, đường sông); (4) Bắt buộc nhập liệu trừ trường hợp tại chỉ tiêu "Mã hiệu phương thức vận chuyển" người khai chọn mã "9". (Tham khảo các bảng mã "Cảng-ICD trong nước", "Cửa khẩu đường bộ - Ga đường sắt" và "Sân bay trong nước" trên website Hải quan) Ô 2: Nhập tên địa điểm dỡ hàng: hệ thống hỗ trợ xuất ra tên địa điểm dỡ hàng dựa trên mã địa điểm. Trường hợp không có mã địa điểm dỡ hàng thì phải nhập tên địa điểm dỡ hàng.	x
1.21	Ghi chú		
Mẫu số 02	**Tờ khai tài liệu, chứng từ không có giá trị thương mại (xuất khẩu)**		

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2.1	Số tờ khai	Không phải nhập liệu, hệ thống tự động cấp số tờ khai.	
2.2	Mã loại hình	Nhập "B17"	
2.3	Mã hiệu phương thức vận chuyển	Căn cứ phương thức vận chuyển để lựa chọn một trong các mã sau: "1": Đường không "2": Đường biển (container) "3": Đường biển (hàng rời, lỏng...) "4": Đường bộ (xe tải) "5": Đường sắt "6": Đường sông "9": Khác	
2.4	Cơ quan Hải quan	Nhập mã Hải quan nơi đăng ký tờ khai (Tham khảo bảng mã trên website Hải quan).	x
2.5	Mã bộ phận xử lý tờ khai	Nhập mã bộ phận xử lý tờ khai (Tham khảo bảng mã trên website Hải quan).	x
2.6	Mã người xuất khẩu	Nhập số định danh cá nhân hoặc mã số thuế của tổ chức. Trường hợp không có số định danh cá nhân, mã số thuế: nhập NN- số hộ chiếu cá nhân hoặc NN- số hộ chiếu của người đại diện của tổ chức.	
2.7	Tên người xuất khẩu	Nhập họ tên của người xuất khẩu hoặc tên của tổ chức.	
2.8	Địa chỉ người xuất khẩu	Nhập địa chỉ cụ thể của người xuất khẩu hoặc tổ chức xuất khẩu	
2.9	Số điện thoại người xuất khẩu	(1) Nhập số điện thoại của người xuất khẩu (không sử dụng dấu gạch ngang). Nếu hệ thống tự động hiển thị, không cần nhập liệu. (2) Trường hợp số điện thoại của người xuất khẩu mà hệ thống hiển thị không đúng, nhập vào số điện thoại chính xác.	
2.10	Mã người nhập khẩu	Nhập số định danh cá nhân hoặc mã số thuế của tổ chức (nếu có).	
2.11	Tên người nhập khẩu	Nhập họ tên của người nhập khẩu hoặc tên của tổ chức.	
2.12	Mã nước	(1) Nhập mã nước người nhập khẩu gồm 02 kí tự theo bảng mã UN LOCODE (tham khảo bảng "Mã nước" tại website Hải quan). (2) Nhập mã nước chính xác nếu hệ thống hiển thị	x

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

		không đúng. (3) Không phải nhập liệu trong trường hợp không xác định được nước xuất khẩu hoặc không có trong bảng mã UN LOCODE.	
2.13	Mã đại lý hải quan	Nhập mã số đại lý hải quan.	
2.14	Số vận đơn	Số vận đơn bao gồm phần số, phần chữ và các kí tự đặc biệt. Ô 1: Nhập số vận đơn chủ do hãng vận chuyển hoặc bưu chính các nước ban hành (Master bill, CN37, CN38,...). Ô 2: Nhập số vận đơn thứ cấp do Đại lý hàng không, Đại lý giao nhận hàng hóa (Forwarder), bưu chính các nước ban hành (B/L, số AWB, CN22, CN23, E1QT, ...) Ô 3: Nhập ngày tháng năm của vận đơn thứ cấp.	
2.15	Mô tả hàng hóa	Mô tả chi tiết hàng hóa bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh.	
2.16	Số lượng	Ô 1: Nhập tổng số lượng kiện hàng hóa (căn cứ vào hóa đơn thương mại, phiếu đóng gói, vận đơn,...) Lưu ý: - Không nhập phần thập phân; - Nhập là "1" đối với hàng hóa không thể thể hiện bằng đơn vị tính (kiện, thùng,...). Ô 2: Nhập mã đơn vị tính Ví dụ: CS: thùng, BX: hộp,.... (Tham khảo bảng "Mã loại kiện" trên website Hải quan)	x
2.17	Tổng trọng lượng hàng (Gross)	Ô 1: Nhập tổng trọng lượng hàng (căn cứ vào phiếu đóng gói, hóa đơn thương mại hoặc chứng từ vận chuyển) Lưu ý: - Trường hợp tại chỉ tiêu thông tin "Mã phương thức vận chuyển" người khai chọn mã "1": có thể nhập 08 ký tự cho phần nguyên và 01 ký tự cho phần thập phân. Nếu vượt quá 01 ký tự phần thập phân thì nhập tổng trọng lượng chính xác vào ô "Ghi chú". - Đối với các phương thức vận chuyển khác: có thể nhập 06 ký tự cho phần nguyên và 03 ký tự cho	x

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

		phần thập phân. - Trường hợp mã của tổng trọng lượng hàng là "LBR" (pound), hệ thống sẽ tự động chuyển đổi sang KGM (kilogram). - Không phải nhập ô này trong trường hợp tại chỉ tiêu thông tin "Mã phương thức vận chuyển" người khai chọn mã "9". Ô 2: Nhập mã đơn vị tính của tổng trọng lượng hàng theo chuẩn UN/ECE Ví dụ: KGM: kilogram TNE: tấn LBR: pound (Tham khảo bảng mã đơn vị tính trên website Hải quan) - Trường hợp nhập mã đơn vị tính khác LBR, xuất ra mã trọng lượng đơn vị tính. - Trường hợp nhập là "LBR" (pound), xuất ra KGM.	
2.18	Mã địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến	Nhập mã địa điểm lưu kho của doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát nhanh hoặc nhập mã địa điểm nơi lưu giữ hàng hóa khi khai báo xuất khẩu	x
2.19	Địa điểm xếp hàng	Ô 1: Nhập mã địa điểm xếp hàng theo UN LOCODE. (Tham khảo các bảng mã "Cảng -ICD trong nước", "Cửa khẩu đường bộ - Ga đường sắt" và "Sân bay trong nước" trên website Hải quan) Ô 2: Nhập tên địa điểm xếp hàng (Không bắt buộc trong trường hợp hệ thống hỗ trợ tự động)	x
2.20	Ngày hàng đi dự kiến	Nhập ngày hàng đi dự kiến (ngày/tháng/năm)	
2.21	Ghi chú		

Phần B. Các chỉ tiêu thông tin trên tờ khai hải quan điện tử không được khai bổ sung

STT	Chỉ tiêu thông tin
1	**Tờ khai tài liệu, chứng từ không có giá trị thương mại (nhập khẩu)**
1.1	Mã loại hình
1.2	Cơ quan Hải quan

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

1.3	Mã người nhập khẩu
1.4	Mã địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến
2	**Tờ khai tài liệu, chứng từ không có giá trị thương mại (xuất khẩu)**
2.1	Mã loại hình
2.2	Cơ quan Hải quan
2.3	Mã người xuất khẩu
2.4	Mã địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

II. Tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trị giá thấp

Phần A. Chỉ tiêu thông tin liên quan đến thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trị giá thấp

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú	Bảng mã
Mẫu số 01	**Tờ khai hải quan điện tử đối với hàng hóa nhập khẩu trị giá thấp**		
A	***Thông tin chung***		
1.1	Số tờ khai	Không phải nhập liệu, hệ thống tự động cấp số tờ khai. Lưu ý: cơ quan Hải quan và các cơ quan khác có liên quan sử dụng 11 ký tự đầu của số tờ khai. Ký tự thứ 12 chỉ thể hiện số lần khai bổ sung.	
1.2	Mã loại hình	Nhập "A45"	
1.3	Mã phân loại hàng hóa	- Ô 1: Nhập mã phân loại hàng hóa: "P": Hàng bưu chính "E": Hàng chuyển phát nhanh - Ô 2: Nếu là hàng quà biếu, quà tặng thì nhập "G", nếu không phải là hàng quà biếu, quà tặng thì để trống.	
1.4	Mã hiệu phương thức vận chuyển	Căn cứ phương thức vận chuyển để lựa chọn một trong các mã sau: "1": Đường không "2": Đường biển (container) "3": Đường biển (hàng rời, lỏng...) "4": Đường bộ (xe tải) "5": Đường sắt "6": Đường sông "9": Khác	
1.5	Cơ quan Hải quan	(1) Nhập mã cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan theo quy định của pháp luật. Trường hợp không nhập, Hệ thống sẽ tự động xác định mã cơ quan hải quan đăng ký tờ khai dựa trên địa điểm lưu giữ hàng chờ thông quan. (2) Tham khảo bảng mã trên website Hải quan.	x

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

1.6	Mã bộ phận xử lý tờ khai	(1) Nhập mã bộ phận xử lý tờ khai. (2) Trường hợp không nhập, Hệ thống sẽ tự động xác định mã. (3) Tham khảo bảng mã trên website Hải quan.	x
1.7	Mã người nhập khẩu	Nhập Số định danh cá nhân hoặc mã số thuế của tổ chức. Trường hợp không có số định danh cá nhân, mã số thuế: nhập NN- số hộ chiếu cá nhân hoặc NN- số hộ chiếu của người đại diện của tổ chức.	
1.8	Tên người nhập khẩu	Nhập họ tên người nhập khẩu hoặc tên của tổ chức	
1.9	Địa chỉ người nhập khẩu	Nhập địa chỉ cụ thể của người nhập khẩu hoặc tổ chức nhập khẩu	
1.10	Số điện thoại người nhập khẩu	(1) Nhập số điện thoại của người nhập khẩu (không sử dụng dấu gạch ngang). Nếu hệ thống tự động hiển thị, không cần nhập liệu. (2) Trường hợp số điện thoại của người nhập khẩu mã hệ thống hiển thị không đúng, thì nhập vào số điện thoại chính xác.	
1.11	Tên người xuất khẩu	Nhập tên người xuất khẩu hoặc tên của tổ chức	
1.12	Mã nước	(1) Nhập mã nước bao gồm 02 ký tự theo bảng mã UN LOCODE (tham khảo bảng "Mã nước" tại Cổng Thông tin điện tử của cơ quan hải quan) Không phải nhập liệu trong trường hợp không xác định được nước xuất khẩu hoặc không có trong bảng mã UN LOCODE.	x
1.13	Mã đại lý hải quan	Nhập mã số đại lý hải quan	
1.14	Số vận đơn	Số vận đơn bao gồm phần số, phần chữ và các kí tự đặc biệt. Ô 1: Nhập số vận đơn chủ do hãng vận chuyển hoặc bưu chính các nước ban hành (Master bill, CN37, CN38,...). Ô 2: Nhập số vận đơn thứ cấp do Đại lý hàng không, Đại lý giao nhận hàng hóa (Forwarder), bưu chính	

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

		các nước ban hành (B/L, số AWB, CN22, CN23, E1QT, ...) Ô 3: Nhập ngày tháng năm của vận đơn thứ cấp.	
1.15	Số lượng	Ô 1: Nhập tổng số lượng kiện hàng hóa (căn cứ vào hóa đơn thương mại, phiếu đóng gói, vận đơn,...) Lưu ý: - Không nhập phần thập phân; - Nhập là "1" đối với hàng hóa không thể thể hiện bằng đơn vị tính (kiện, thùng,...). Ô 2: Nhập mã đơn vị tính Ví dụ: CS: thùng, BX: hộp,.... (Tham khảo bảng "Mã loại kiện" trên website Hải quan)	x
1.16	Tổng trọng lượng hàng (Gross)	Ô 1: Nhập tổng trọng lượng hàng (căn cứ vào phiếu đóng gói, hóa đơn thương mại hoặc chứng từ vận chuyển) Lưu ý: - Trường hợp tại chỉ tiêu thông tin "Mã phương thức vận chuyển" người khai chọn mã "1": có thể nhập 08 ký tự cho phần nguyên và 01 ký tự cho phần thập phân. Nếu vượt quá 01 ký tự phần thập phân thì nhập tổng trọng lượng chính xác vào ô "Ghi chú". - Đối với các phương thức vận chuyển khác: có thể nhập 06 ký tự cho phần nguyên và 03 ký tự cho phần thập phân. - Trường hợp mã của tổng trọng lượng hàng là "LBR" (pound), hệ thống sẽ tự động chuyển đổi sang KGM (kilogram). - Không phải nhập ô này trong trường hợp tại chỉ tiêu thông tin "Mã phương thức vận chuyển" người khai chọn mã "9". Ô 2: Nhập mã đơn vị tính của tổng trọng lượng hàng theo chuẩn UN/ECE Ví dụ: KGM: kilogram TNE: tấn LBR: pound	x

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

		(Tham khảo bảng mã đơn vị tính trên website Hải quan) - Trường hợp nhập mã đơn vị tính khác LBR, xuất ra mã trọng lượng đơn vị tính. - Trường hợp nhập là "LBR" (pound), xuất ra KGM.	
1.17	Mã địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến	Nhập mã địa điểm lưu kho của doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát nhanh hoặc nhập mã địa điểm nơi lưu giữ hàng hóa khi khai báo nhập khẩu	
1.18	Phương tiện vận chuyển	Ô 1: Nhập hô hiệu (call sign) trong trường hợp vận chuyển bằng đường biển/sông. Nếu thông tin cơ bản của tàu chưa được đăng ký vào hệ thống thì nhập "9999". Ô 2: Nhập tên phương tiện vận chuyển (căn cứ vào chứng từ vận tải: B/L, AWB,...) (1) Nhập tên tàu trong trường hợp vận chuyển bằng đường biển/sông. (2) Nếu không nhập liệu, hệ thống sẽ tự động xuất ra tên tàu đã đăng ký trên hệ thống dựa trên hô hiệu đã nhập ở ô 1. (3) Trường hợp vận chuyển hàng không: nhập mã hãng hàng không (02 ký tự), số chuyến bay (04 ký tự), gạch chéo (01 ký tự), ngày/tháng (ngày: 02 ký tự, tháng 03 ký tự viết tắt của các tháng bằng tiếng Anh). Ví dụ: AB0001/01JAN (4) Trường hợp vận chuyển đường bộ: nhập số xe tải. (5) Trường hợp vận chuyển đường sắt: nhập số tàu. (6) Không phải nhập trong trường hợp tại chỉ tiêu "Mã hiệu phương thức vận chuyển", người khai chọn mã "9" và trong trường hợp hệ thống hỗ trợ tự động xuất ra tên phương tiện vận chuyển.	
1.19	Ngày hàng đến	Nhập ngày dự kiến hàng hóa đến cửa khẩu theo chứng từ vận tải hoặc Thông báo hàng đến (Arrival notice) của người vận chuyển gửi cho người nhận hàng.	
1.20	Địa điểm dỡ hàng	Ô 1: Nhập mã địa điểm dỡ hàng: (1) Nhập mã cảng dỡ hàng (đường không, đường	x

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

		biển) theo vận đơn (B/L, AWB,...); (2) Nhập mã ga (đường sắt); (3) Nhập mã cửa khẩu (đường bộ, đường sông); (4) Bắt buộc nhập liệu trừ trường hợp tại chỉ tiêu "Mã hiệu phương thức vận chuyển" người khai chọn mã "9". (Tham khảo các bảng mã "Cảng-ICD trong nước", "Cửa khẩu đường bộ - Ga đường sắt" và "Sân bay trong nước" trên website Hải quan) Ô 2: Nhập tên địa điểm dỡ hàng: hệ thống hỗ trợ xuất ra tên địa điểm dỡ hàng dựa trên mã địa điểm. Trường hợp không có mã địa điểm dỡ hàng thì phải nhập tên địa điểm dỡ hàng.	
1.21	Trị giá hóa đơn	Ô 1: Nhập tổng số tiền thanh toán nguyên tệ. Ô 2: Nhập mã nguyên tệ	
1.22	Tỷ giá	Không phải nhập liệu, hệ thống tự động cập nhật tỷ giá	
1.23	Phí vận chuyển quốc tế	Ô 1: Nhập số tiền phí vận chuyển quốc tế. Trường hợp trị giá hóa đơn đã bao gồm phí vận chuyển thì không phải nhập chỉ tiêu này. Ô 2: Nhập mã nguyên tệ của đồng tiền thanh toán. Trường hợp mã nguyên tệ của đồng tiền thanh toán phí vận chuyển quốc tế khác với đồng tiền thanh toán của trị giá hóa đơn thì thực hiện quy đổi về cùng đồng tiền thanh toán của trị giá hóa đơn.	
1.24	Phí bảo hiểm quốc tế	Ô 1: Nhập số tiền phí bảo hiểm. Trường hợp hóa đơn đã bao gồm phí bảo hiểm hoặc không có bảo hiểm thì không phải nhập chỉ tiêu này. Ô 2: Nhập mã nguyên tệ của đồng tiền thanh toán. Trường hợp mã nguyên tệ của đồng tiền thanh toán phí bảo hiểm quốc tế khác với đồng tiền thanh toán của hóa đơn thì thực hiện quy đổi về cùng đồng tiền thanh toán của hóa đơn.	
1.25	Tổng trị giá tính thuế (nguyên tệ)	Ô 1: Nhập tổng số tiền thực tế thanh toán nguyên tệ tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên đã bao gồm phí vận chuyển quốc tế, phí bảo hiểm quốc tế (không bao gồm chi phí vận chuyển nội địa và phí bảo hiểm nội địa, nếu doanh nghiệp có chứng từ, tài liệu tách được	

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

		hai khoản phí này) và trị giá hàng FOC/khuyến mại. Ô 2: Nhập mã nguyên tệ tổng số tiền thanh toán.	
1.26	Tổng trị giá tính thuế (VNĐ)	Không phải nhập liệu, hệ thống căn cứ trị giá tính thuế (nguyên tệ) để tính tổng trị giá tính thuế (VNĐ).	
1.27	Người nộp thuế	Nhập một trong các mã sau: "1": người nộp thuế là người nhập khẩu "2": người nộp thuế là đại lý hải quan	
1.28	Mã xác định thời hạn nộp thuế	Nhập một trong các mã tương ứng như sau: "A": trường hợp được áp dụng thời hạn nộp thuế do sử dụng bảo lãnh riêng. "B": trường hợp được áp dụng thời hạn nộp thuế do sử dụng bảo lãnh chung. "C": trường hợp được áp dụng thời hạn nộp thuế mã không sử dụng bảo lãnh. "D": trong trường hợp nộp thuế ngay. Lưu ý: Nhập mã "D" trong trường hợp khai báo bổ sung để được cấp phép thông quan sau khi thực hiện quy trình tạm giải phóng hàng.	
1.29	Mã ngân hàng bảo lãnh	Nhập mã ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước cấp (tham khảo bảng "Mã Ngân hàng" trên website Hải quan), trường hợp ký hiệu và số chứng từ hạn mức đã được đăng ký, hệ thống sẽ kiểm tra những thông tin sau: (1) Người sử dụng chứng từ bảo lãnh phải là người nhập khẩu hoặc là chứng từ bảo lãnh được cấp đích danh cho đại lý hải quan. (2) Ngày tiến hành nghiệp vụ này phải thuộc thời hạn còn hiệu lực của chứng từ bảo lãnh đã đăng ký. (3) Trường hợp sử dụng chứng từ bảo lãnh riêng, chứng từ phải được sử dụng tại cơ quan hải quan đã đăng ký. (4) Nếu không thuộc trường hợp (1), mã của người được phép sử dụng chứng từ bảo lãnh đã đăng ký trong cơ sở dữ liệu phải khớp với mã của người đăng nhập sử dụng nghiệp vụ này. (5) Trường hợp đăng ký chứng từ bảo lãnh riêng	x

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

		trước khi có tờ khai dựa trên số vận đơn hoặc/và số hóa đơn, số vận đơn hoặc/và số hóa đơn phải tồn tại trong cơ sở dữ liệu bảo lãnh riêng. (6) Mã loại hình đã được đăng ký trong dữ liệu chứng từ bảo lãnh riêng phải khớp với mã loại hình khai báo. (7) Ngày khai báo dự kiến nếu đã được đăng ký trong dữ liệu chứng từ bảo lãnh riêng phải khớp với ngày đăng ký khai báo dự kiến. (8) Trường hợp đăng ký chứng từ bảo lãnh riêng sau khi hệ thống cấp số tờ khai, số tờ khai đã đăng ký trong cơ sở dữ liệu của bảo lãnh phải khớp với số tờ khai hệ thống đã cấp.	
1.30	Năm phát hành bảo lãnh	Nhập năm phát hành của chứng từ bảo lãnh (bao gồm 04 ký tự). Là chỉ tiêu bắt buộc nếu người khai đã nhập liệu tại chỉ tiêu "Mã ngân hàng bảo lãnh".	
1.31	Ký hiệu chứng từ bảo lãnh	Nhập ký hiệu của chứng từ bảo lãnh do ngân hàng cung cấp trên chứng thư bảo lãnh (tối đa 10 ký tự). Là chỉ tiêu bắt buộc nếu người khai đã nhập liệu tại chỉ tiêu "Mã ngân hàng bảo lãnh".	
1.32	Số chứng từ bảo lãnh	Nhập số của chứng từ bảo lãnh do ngân hàng cung cấp trên chứng thư bảo lãnh (tối đa 10 ký tự). Là chỉ tiêu bắt buộc nếu người khai đã nhập liệu tại chỉ tiêu "Mã ngân hàng bảo lãnh".	
1.32	Chứng từ đính kèm	Khai chứng từ đính kèm (nếu có)	
1.34	Phân loại chỉ thị của Hải quan	(Phần dành cho công chức hải quan) Nhập mã phân loại thông báo của công chức hải quan: "A": Hướng dẫn sửa đổi "B": Thay đổi khai báo nhập khẩu	
1.35	Ngày	(Phần dành cho công chức hải quan) Nhập ngày/tháng/năm công chức hải quan thông báo tới người khai hải quan.	
1.36	Tên	(Phần dành cho công chức hải quan)	

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

		Nhập trích yếu nội dung thông báo.	
1.37	Nội dung	(Phần dành cho công chức hải quan) Nhập nội dung thông báo của công chức hải quan.	
1.38	Ghi chú	Nhập các nội dung cần ghi chú. Trường hợp lô hàng có C/O thì nhập số C/O, ngày cấp. Trường hợp có chứng từ, tài liệu tách được phí vận chuyển nội địa và phí bảo hiểm nội địa thì doanh nghiệp khai trị giá của phí vận chuyển nội địa và phí bảo hiểm nội địa. Trường hợp hàng hóa có hàng FOC/khuyến mại thì liệt kê số thứ tự của dòng hàng.	
B	***Thông tin khai báo chi tiết hàng hóa***		
1.39	Mã số hàng hóa	(1) Nhập đầy đủ mã số hàng hóa quy định tại Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, các Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi và các Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt do Chính phủ ban hành. (2) Trường hợp hàng hóa thuộc Chương 98 của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi thì nhập mã số hàng hóa của 97 Chương tương ứng tại Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam và ghi mã số Chương 98 vào ô "Mô tả hàng hóa''. (3) Chỉ tiêu không bắt buộc khai	
1.40	Thuế suất	- Hệ thống hỗ trợ tự động xác định mức thuế suất nhập khẩu tương ứng với mã số hàng hóa và mã biểu thuế đã nhập. Trường hợp hệ thống phản hồi lại một trong các lỗi tương ứng với các mã lỗi: E1004, E1006, E1008, E1009 thì người khai hải quan nhập thủ công mức thuế suất thuế nhập khẩu vào ô này. Nhập "0" trong trường hợp "Mã biểu thuế nhập khẩu" nhập mã B30. - Chỉ tiêu không bắt buộc khai	
1.41	Mô tả hàng hóa	Mô tả chi tiết hàng hóa bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh	
1.42	Mã nước xuất xứ	Nhập mã nước, vùng lãnh thổ nơi hàng hóa được chế tạo (sản xuất) theo bảng mã UN/LOCODE (căn cứ vào chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa hoặc các	x

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

		tài liệu khác có liên quan đến lô hàng).	
1.43	Mã Biểu thuế nhập khẩu	Nhập mã Biểu thuế nhập khẩu tương ứng loại thuế suất thuế nhập khẩu áp dụng theo "Bảng mã Biểu thuế nhập khẩu" trên website Hải quan. Lưu ý: - Trường hợp hàng hóa đáp ứng điều kiện áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi tại Chương 98 thì đối chiếu với "Biểu thuế Chương 98 - B02 và B17" trên website Hải quan để nhập mã Biểu thuế nhập khẩu là B02 hoặc B17 tương ứng với mã số hàng hóa tại Chương 98. - Đối với hàng hóa thuộc đối tượng miễn thuế không được khai mã Biểu thuế của đối tượng không chịu thuế nhập khẩu mà phải lựa chọn mã Biểu thuế tương ứng với loại thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo "Bảng mã Biểu thuế nhập khẩu" trên website của Cục Hải quan www.customs.gov.vn." - Chỉ tiêu không bắt buộc khai.	x
1.44	Số lượng (1)	Ô 1: Nhập số lượng hàng hóa nhập khẩu của từng mặt hàng theo đơn vị tính trong Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam hoặc theo thực tế hoạt động giao dịch. Lưu ý: (1) Trường hợp hàng hóa chịu thuế tuyệt đối, nhập số lượng theo đơn vị tính thuế tuyệt đối theo quy định. (2) Có thể nhập đến 02 số sau dấu thập phân. (3) Trường hợp số lượng thực tế có phần thập phân vượt quá 02 ký tự, người khai hải quan thực hiện làm tròn số thành 02 ký tự thập phân sau dấu phẩy để khai số lượng đã làm tròn vào ô này, đồng thời khai số lượng thực tế và đơn giá hóa đơn vào ô "Mô tả hàng hóa" theo nguyên tắc sau: "mô tả hàng hóa #& số lượng" (không khai đơn giá vào ô "Đơn giá hóa đơn"). Ô 2: Nhập mã đơn vị tính theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu hoặc theo thực tế giao dịch. (tham khảo bảng mã đơn vị tính trên website Hải quan)	x

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

		Lưu ý: Trường hợp hàng hóa chịu thuế tuyệt đối, nhập mã đơn vị tính thuế tuyệt đối theo quy định (tham khảo mã đơn vị tính tại "Bảng mã áp dụng mức thuế tuyệt đối" trên website Hải quan).	
1.45	Trị giá dòng hàng/mục hàng (nguyên tệ)	Ô 1: Nhập số tiền thanh toán nguyên tệ của dòng hàng/mục hàng. Đối với hàng hóa FOC/hàng khuyến mại: để trống. Ô 2: Nhập mã nguyên tệ đồng tiền thanh toán. Ghi chú: Chỉ tiêu này chỉ khai khi các dòng hàng áp dụng mức thuế suất VAT không đồng nhất.	
1.46	Trị giá tính thuế (VNĐ)	(1) Hệ thống tự động phân bổ trị giá tính thuế (VNĐ) theo số tiền thanh toán nguyên tệ của từng dòng hàng. Trường hợp tính trị giá tính thuế thủ công thì nhập trị giá tính thuế của từng dòng hàng. (2) Đối với hàng hóa FOC/hàng khuyến mại nhập trị giá tính thuế theo trị giá của hàng hóa. (3) Hệ thống ưu tiên trị giá được nhập thủ công.	
1.47	Đơn giá của dòng hàng/mục hàng	Ô 1: Nhập đơn giá của dòng hàng/mục hàng. Đối với hàng FOC/khuyến mại: để trống. Ô 2: Nhập mã đơn vị tiền tệ của đồng tiền thanh toán. Lưu ý: - Đơn giá dòng hàng/mục hàng x số lượng = trị giá dòng hàng/mục hàng. - Trường hợp không có hóa đơn thì không khai chỉ tiêu này. - Chỉ tiêu không bắt buộc khai.	x
1.48	Mã miễn thuế nhập khẩu	Nhập mã miễn thuế nhập khẩu theo một trong các mã sau: 1. MTG: Miễn theo trị giá tối thiểu 2. MTT: Miễn theo tiền thuế tối thiểu. Trường hợp miễn theo số tiền thuế tối thiểu thì người khai hải quan phải thực hiện khai báo đầy đủ các chỉ tiêu thông tin về mã số hàng hóa, biểu thuế, số lượng, trị giá,... để tính thuế.	
1.49	Mã áp dụng thuế suất/mức	Nhập mã áp dụng thuế suất/mức thuế trong trường hợp hàng hóa phải chịu thuế nhập khẩu bổ sung (thuế tự vệ, thuế chống bán phá giá,...), thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế	x

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

	thuế và thu khác	bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng. Lưu ý: (1) Phải nhập theo thứ tự: thuế nhập khẩu bổ sung, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng. Trường hợp hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế thì nhập mã sắc thuế đồng thời phải nhập mã đối tượng không chịu thuế tại chỉ tiêu Mã miễn/giảm/không chịu thuế và thu khác. Trường hợp hàng hóa không áp dụng các loại thuế và thu khác thì không phải nhập vào ô này. (Tham khảo bảng mã áp dụng thuế suất/mức thuế và mã sắc thuế trên website Hải quan) (2) Ngày đăng ký tờ khai nhập khẩu phải trong thời hạn hiệu lực áp dụng thuế suất/mức thuế. - Chỉ tiêu không bắt buộc khai	
1.50	Mã miễn/giảm/ không chịu thuế và thu khác	Nhập mã miễn/giảm/không chịu thuế và thu khác tương tự như nhập mã miễn/giảm/không chịu thuế nhập khẩu. Ngày đăng ký tờ khai nhập khẩu hàng hóa được miễn/giảm/không chịu thuế là ngày còn trong thời hạn hiệu lực áp dụng. (Tham khảo bảng mã miễn/giảm/không chịu thuế và thu khác trên website Hải quan) - Chỉ tiêu không bắt buộc khai	x
1.51	Số tiền giảm thuế và thu khác	- Nhập số tiền giảm thuế và thu khác. - Chỉ tiêu không bắt buộc khai	
Mẫu số 02	**Tờ khai hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu trị giá thấp**		
A	***Thông tin chung***		
2.1	Số tờ khai	Không phải nhập liệu, hệ thống tự động cấp số tờ khai. Lưu ý: cơ quan hải quan và các cơ quan khác có liên quan sử dụng 11 ký tự đầu của số tờ khai. Ký tự số 12 chỉ thể hiện số lần khai bổ sung.	
2.2	Mã loại hình	Nhập "B14"	

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2.3	Mã phân loại hàng hóa	Nhập mã phân loại hàng hóa: "P": Hàng bưu chính "E": Hàng chuyển phát nhanh	
2.4	Mã hiệu phương thức vận chuyển	Căn cứ phương thức vận chuyển để lựa chọn một trong các mã sau: "1": Đường không "2": Đường biển (container) "3": Đường biển (hàng rời, lỏng...) "4": Đường bộ (xe tải) "5": Đường sắt "6": Đường sông "9": Khác	
2.5	Cơ quan Hải quan	(1) Nhập mã cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan theo quy định của pháp luật. Trường hợp không nhập, Hệ thống sẽ tự động xác định mã cơ quan hải quan đăng ký tờ khai dựa trên địa điểm lưu giữ hàng chờ thông quan. (2) Tham khảo bảng mã trên website Hải quan.	x
2.6	Mã bộ phận xử lý tờ khai	(1) Nhập mã bộ phận xử lý tờ khai. (2) Trường hợp không nhập, Hệ thống sẽ tự động xác định mã bộ phận xử lý tờ khai. (3) Tham khảo bảng mã trên website Hải quan.	x
2.7	Mã người xuất khẩu	Nhập Số định danh cá nhân hoặc mã số thuế của tổ chức. Trường hợp không có số định danh cá nhân, mã số thuế: nhập NN- số hộ chiếu cá nhân hoặc NN- số hộ chiếu của người đại diện của tổ chức.	
2.8	Tên người xuất khẩu	Nhập họ tên người xuất khẩu hoặc tên của tổ chức	
2.9	Địa chỉ người xuất khẩu	Nhập địa chỉ cụ thể của người xuất khẩu hoặc tổ chức xuất khẩu	
2.10	Số điện thoại người xuất khẩu	(1) Nhập số điện thoại của người xuất khẩu (không sử dụng dấu gạch ngang). Nếu hệ thống tự động hiển thị, không cần nhập liệu. (2) Trường hợp số điện thoại của người xuất khẩu mà	

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

		hệ thống hiển thị không đúng, thì nhập vào số điện thoại chính xác.	
2.11	Mã người nhập khẩu	Nhập mã người nhập khẩu (nếu có) Trường hợp không có số định danh cá nhân, mã số thuế: nhập NN- số hộ chiếu cá nhân hoặc NN- số hộ chiếu của người đại diện của tổ chức.	
2.12	Tên người nhập khẩu	Nhập tên người nhập khẩu	
2.13	Mã nước	(1) Nhập mã nước người nhập khẩu gồm 02 ký tự theo bảng mã UN LOCODE (tham khảo bảng mã nước tại website Hải quan). (2) Không phải nhập liệu trong trường hợp không xác định được nước xuất khẩu hoặc không có trong bảng mã UN LOCODE.	x
2.14	Mã đại lý Hải quan	Nhập mã số đại lý hải quan	
2.15	Số vận đơn	Số vận đơn bao gồm phần số, phần chữ và các kí tự đặc biệt. Ô 1: Nhập số vận đơn chủ do hãng vận chuyển hoặc bưu chính các nước ban hành (Master bill, CN37, CN38,...). Ô 2: Nhập số vận đơn thứ cấp do Đại lý hàng không, Đại lý giao nhận hàng hóa (Forwarder), bưu chính các nước ban hành (B/L, số AWB, CN22, CN23, E1QT, ...) Ô 3: Nhập ngày tháng năm của vận đơn thứ cấp.	
2.16	Số lượng	Ô 1: Nhập tổng số lượng kiện hàng hóa (căn cứ vào hóa đơn thương mại, phiếu đóng gói, vận đơn,...) Lưu ý: - Không nhập phần thập phân - Nhập là "1" đối với hàng hóa không thể hiện bằng đơn vị tính (kiện, thùng,...) Ô 2: Nhập mã đơn vị tính Ví dụ: CS: thùng, BX: hộp (Tham khảo bảng mã loại kiện trên website Hải quan)	x
2.17	Tổng trọng	Ô 1: Nhập tổng trọng lượng hàng (căn cứ vào phiếu	x

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

	lượng hàng (Gross)	đóng gói, hóa đơn thương mại hoặc chứng từ vận chuyển) Lưu ý: - Trường hợp tại chỉ tiêu thông tin "Mã phương thức vận chuyển" người khai chọn mã "1": có thể nhập 08 ký tự cho phần nguyên và 01 ký tự cho phần thập phân. Nếu vượt quá 01 ký tự phần thập phân thì nhập tổng trọng lượng chính xác vào ô "Ghi chú". - Đối với các phương thức vận chuyển khác: có thể nhập 06 ký tự cho phần nguyên và 03 ký tự cho phần thập phân. - Trường hợp mã của tổng trọng lượng hàng là "LBR" (pound), hệ thống sẽ tự động chuyển đổi sang KGM (kilogram). Ô 2: Nhập mã đơn vị tính của tổng trọng lượng hàng theo chuẩn UN/ECE Ví dụ: KGM: kilogram TNE: tấn LBR: pound (Tham khảo bảng mã đơn vị tính trên website Hải quan) - Trường hợp nhập mã đơn vị tính khác LBR, xuất ra mã trọng lượng đơn vị tính. - Trường hợp nhập là "LBR" (pound), xuất ra KGM.	
2.18	Mã địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến	Nhập mã địa điểm lưu kho của doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát nhanh hoặc nhập mã địa điểm nơi lưu giữ hàng hóa khi khai báo xuất khẩu	x
2.19	Địa điểm xếp hàng	Ô 1: Nhập mã địa điểm xếp hàng theo UN LOCODE. (Tham khảo các bảng mã "Cảng -ICD trong nước", "Cửa khẩu đường bộ - Ga đường sắt" và "Sân bay trong nước" trên website Hải quan) Ô 2: Nhập tên địa điểm xếp hàng (Không bắt buộc trong trường hợp hệ thống hỗ trợ tự động)	x
2.20	Ngày hàng đi dự kiến	Nhập ngày hàng đi dự kiến (ngày/tháng/năm)	

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2.21	Tỷ giá	Không phải nhập liệu, hệ thống tự động cập nhật tỷ giá	
2.22	Trị giá hóa đơn (nguyên tệ)	Ô 1: Nhập tổng số tiền thanh toán nguyên tệ. Ô 2: Nhập mã nguyên tệ	
2.23	Tổng trị giá tính thuế (nguyên tệ)	Ô 1: Nhập tổng số tiền thanh toán nguyên tệ tính đến cửa khẩu xuất (không bao gồm phí vận chuyển quốc tế và phí bảo hiểm quốc tế, nếu doanh nghiệp có chứng từ, tài liệu tách được hai khoản phí này ra khỏi trị giá hải quan) và trị giá hàng FOC/khuyến mại. Ô 2: Nhập mã nguyên tệ	
2.24	Tổng trị giá tính thuế (VNĐ)	Không phải nhập liệu, hệ thống căn cứ trị giá tính thuế (nguyên tệ) để tính tổng trị giá tính thuế (VNĐ).	
2.25	Chứng từ đính kèm	Khai chứng từ đính kèm (nếu có)	
2.26	Phân loại chỉ thị của Hải quan	(Phần dành cho công chức hải quan) Nhập mã phân loại thông báo của công chức hải quan: "A": Hướng dẫn sửa đổi "B": Thay đổi khai báo xuất khẩu	
2.27	Ngày chỉ thị của Hải quan	(Phần dành cho công chức hải quan) Nhập ngày/tháng/năm công chức hải quan thông báo tới người khai hải quan.	
2.28	Tên chỉ thị của Hải quan	(Phần dành cho công chức hải quan) Nhập trích yếu nội dung thông báo	
2.29	Nội dung chỉ thị của Hải quan	(Phần dành cho công chức hải quan) Nhập nội dung thông báo tới người khai hải quan.	
2.30	Ghi chú	Nhập các nội dung cần ghi chú. (1) Trường hợp xuất khẩu của những lô hàng thuê gia công nước ngoài thì nhập số tờ khai xuất gia công ban đầu. (2) Trường hợp hàng hóa nhập khẩu để thực hiện dự án ODA viện trợ không hoàn lại của Việt Nam cho nước ngoài thì khi đăng ký tờ khai xuất khẩu phải	

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

		nhập số tờ khai nhập khẩu hàng hóa ban đầu. (3) Trường hợp mã loại hình không hỗ trợ khai báo vận chuyển kết hợp thì khai các thông tin sau: thời gian, tuyến đường, cửa khẩu đi và đến, mã địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế. (4) Trường hợp có thông báo từ phía cơ quan Hải quan thì nhập thông tin cần thiết ở đây. (5) Trường hợp có chứng từ, tài liệu tách được phí vận chuyển quốc tế và phí bảo hiểm quốc tế thì doanh nghiệp khai trị giá của phí bảo hiểm và phí vận chuyển quốc tế. (6) Trường hợp hàng hóa có hàng FOC/khuyến mại thì liệt kê số thứ tự của dòng hàng.	
B	***Thông tin khai báo chi tiết hàng hóa***		
2.31	Mô tả hàng hóa	Mô tả chi tiết hàng hóa bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh	
2.32	Số lượng(1)	Ô 1: Nhập số lượng hàng hóa xuất khẩu của từng dòng hàng theo đơn vị tính trong Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam. (1) Trường hợp hàng hóa chịu thuế tuyệt đối, nhập số lượng theo đơn vị tính thuế tuyệt đối theo quy định. (2) Có thể nhập đến 02 số sau dấu thập phân. (3) Trường hợp hàng hóa phải nộp phí cà phê, hồ tiêu, hạt điều, bảo hiểm cà phê, nhập số lượng theo đơn vị tính phí/bảo hiểm theo quy định. (4) Trường hợp số lượng thực tế có phần thập phân vượt quá 02 ký tự, người khai hải quan thực hiện làm tròn số thành 02 ký tự thập phân sau dấu phẩy để khai số lượng đã làm tròn vào ô này, đồng thời khai số lượng thực tế và đơn giá hóa đơn vào ô "Mô tả hàng hóa" theo nguyên tắc sau: "mô tả hàng hóa #& số lượng" (không khai đơn giá vào ô "Đơn giá hóa đơn"). Ô 2: Nhập mã đơn vị tính theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, (tham khảo bảng mã đơn vị tính trên website Hải quan) Trường hợp hàng hóa chịu thuế tuyệt đối, nhập mã đơn vị tính thuế tuyệt đối theo quy định (tham khảo	x

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

		mã đơn vị tính tại Bảng mã áp dụng mức thuế tuyệt đối trên website Hải quan).	
2.33	Trị giá dòng hàng/mục hàng (nguyên tệ)	Ô 1: Nhập số tiền thanh toán nguyên tệ của dòng hàng/mục hàng. Đối với hàng hóa FOC/hàng khuyến mại: để trống. Ô 2: Nhập mã nguyên tệ đồng tiền thanh toán. Ghi chú: Chỉ tiêu này chỉ khai khi các dòng hàng áp dụng mức thuế suất VAT không đồng nhất.	
2.34	Trị giá tính thuế (VNĐ)	(1) Hệ thống tự động phân bổ trị giá tính thuế (VNĐ) theo số tiền thanh toán nguyên tệ của từng dòng hàng. Trường hợp tính trị giá tính thuế thủ công thì nhập trị giá tính thuế của từng dòng hàng. (2) Đối với hàng hóa FOC/hàng khuyến mại nhập trị giá tính thuế theo trị giá của hàng hóa. (3) Hệ thống ưu tiên trị giá được nhập thủ công.	
2.35	Đơn giá của dòng hàng/mục hàng	Ô 1: Nhập đơn giá của dòng hàng/mục hàng. Đối với hàng FOC/khuyến mại: để trống. Ô 2: Nhập mã đơn vị tiền tệ của đồng tiền thanh toán. Lưu ý: - Đơn giá dòng hàng/mục hàng x số lượng = trị giá dòng hàng/mục hàng. - Trường hợp không có hóa đơn thì không khai chỉ tiêu này. - Chỉ tiêu không bắt buộc khai.	

Phần B. Các chỉ tiêu thông tin trên tờ khai hải quan điện tử không được khai bổ sung

STT	Chỉ tiêu thông tin
1	**Tờ khai hải quan điện tử đối với hàng hóa nhập khẩu trị giá thấp**
1.1	Mã loại hình
1.2	Cơ quan Hải quan
1.3	Mã người nhập khẩu
1.4	Mã địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến
2	**Tờ khai hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu trị giá thấp**
2.1	Mã loại hình

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2.2	Cơ quan Hải quan
2.3	Mã người xuất khẩu
2.4	Mã địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến

Phần C. Chỉ tiêu thông tin liên quan đến thủ tục hải quan điện tử đối với tờ khai bổ sung sau thông quan.

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú	Bảng mã
A	***Thông tin chung***		
1.1	Số tờ khai bổ sung	Không phải nhập liệu, hệ thống hải quan tự động cấp số tờ khai bổ sung	
1.2	Ngày đăng ký tờ khai	Không phải nhập liệu, hệ thống hải quan tự động ghi nhận ngày đăng ký tờ khai bổ sung	
1.3	Cơ quan hải quan	Nhập mã cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai ban đầu.	
1.4	Số tờ khai ban đầu	Nhập số tờ khai xuất khẩu hoặc nhập khẩu ban đầu.	
1.5	Ngày khai báo xuất nhập khẩu	Nhập ngày khai báo xuất khẩu hoặc nhập khẩu của tờ khai ban đầu.	
1.6	Ngày cấp phép xuất nhập khẩu	Nhập ngày thông quan của tờ khai xuất khẩu hoặc nhập khẩu ban đầu.	
1.7	Mã loại hình	Nhập mã loại hình của tờ khai xuất khẩu hoặc nhập khẩu ban đầu.	
1.8	Mã người khai hải quan	Nhập mã số thuế của người khai hải quan.	
1.9	Tên người khai hải quan	Nhập tên người khai hải quan trong trường hợp chưa được đăng ký với Hệ thống.	
1.10	Địa chỉ của người khai	(1) Nhập địa chỉ của người khai hải quan (không phải nhập trong trường hợp hệ thống tự động hiển thị). (2) Trong trường hợp hệ thống tự động hiển thị địa chỉ khác với khai báo thì nhập lại địa chỉ đúng.	
1.11	Số điện thoại của người khai	(1) Nhập số điện thoại của người khai hải quan. (2) Không phải nhập trong trường hợp hệ	

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú	Bảng mã
		thống tự động hiển thị. (3) Trong trường hợp số điện thoại tự động hiển thị không đúng, nhập lại số điện thoại đúng.	
B	***Thông tin khai báo chi tiết khai bổ sung***		
1.12	Chỉ tiêu thông tin khai bổ sung	Tên chỉ tiêu thông tin cần khai bổ sung.	x
1.13	Nội dung trước khi khai bổ sung	Nhập nội dung trước khi khai bổ sung	
1.14	Nội dung sau khi khai bổ sung	Nhập nội dung sau khi khai bổ sung	
1.15	Lý do	Nhập lý do khai bổ sung	
1.16	Chứng từ chứng minh	Liệt kê các chứng từ chứng minh việc khai bổ sung gửi kèm	

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Phụ lục V

THAY THẾ PHỤ LỤC III, DANH MỤC 2 BAN HÀNH KÈM THEO THÔNG TƯ SỐ 56/2019/TT-BTC

(Ban hành kèm Thông tư số 142/2026/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

"Phụ lục III

CHỈ TIÊU THÔNG TIN VỀ GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú
Mẫu số 01	**Danh sách hàng hóa vào kho, địa điểm**	**Thực hiện khai báo đến cơ quan hải quan khi hàng hóa vào kho, địa điểm**
1.1	Hình thức hàng hóa	Hình thức hàng hóa: Nhập khẩu, Xuất khẩu, Khác
1.2	Số vận đơn chủ	Số vận đơn chủ do hãng vận chuyển ban hành. Trường hợp hàng hóa xuất khẩu chưa có thông tin: nhập NA
1.3	Số vận đơn thứ cấp	Số vận đơn thứ cấp do Đại lý hàng không, Đại lý giao nhận hàng hóa (Forwarder) ban hành.
1.4	Tên hàng	Tên hàng, mô tả hàng hóa
1.5	Số lượng hàng	Tổng số kiện hàng
1.6	ĐVT số lượng hàng	Nhập mã đơn vị tính số lượng hàng (Tham khảo bảng "Mã loại kiện" trên website Hải quan).
1.7	Trọng lượng hàng	Tổng trọng lượng hàng hóa
1.8	ĐVT trọng lượng hàng	Nhập mã đơn vị tính của trọng lượng hàng theo chuẩn UN/ECE (Tham khảo bảng "Mã đơn vị tính" trên website Hải quan)
1.9	Số hiệu phương tiện vận chuyển	Số hiệu chuyến bay/Biển số phương tiện/Số hiệu tàu/ Tên tàu biển chở hàng
1.10	Ngày hàng đến cửa khẩu nhập/xuất	- Đối với hàng nhập khẩu: Thời gian dự kiến hàng đến cửa khẩu nhập tại Việt Nam. - Đối với hàng xuất khẩu: Thời gian dự kiến hàng đến cửa khẩu xuất.
1.11	Ngày vào kho, địa điểm	Ngày đưa hàng hóa vào kho, địa điểm

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu số 02	**Sửa đổi, bổ sung Danh sách hàng hóa vào kho, địa điểm**	**Thực hiện khai báo đến cơ quan hải quan khi thay đổi thông tin hàng hóa vào kho, địa điểm**
2.1	Hình thức hàng hóa	Hình thức hàng hóa: Nhập khẩu, Xuất khẩu, Khác
2.2	Số vận đơn chủ	Số vận đơn chủ do hãng vận chuyển ban hành
2.3	Số vận đơn thứ cấp	Số vận đơn thứ cấp do Đại lý hàng không, Đại lý giao nhận hàng hóa (Forwarder) ban hành
2.4	Tên hàng	Tên hàng, mô tả hàng hóa
2.5	Số lượng hàng	Tổng số kiện hàng
2.6	ĐVT số lượng hàng	Nhập mã đơn vị tính số lượng hàng (Tham khảo bảng "Mã loại kiện" trên website Hải quan)
2.7	Trọng lượng hàng	Tổng trọng lượng hàng hóa
2.8	ĐVT trọng lượng hàng	Nhập mã đơn vị tính của trọng lượng hàng theo chuẩn UN/ECE (Tham khảo bảng "Mã đơn vị tính" trên website Hải quan)
2.9	Số hiệu phương tiện vận chuyển	Số hiệu chuyến bay/Biển số phương tiện/Số hiệu tàu/ Tên tàu biển chở hàng
2.10	Ngày hàng đến cửa khẩu nhập/xuất	- Đối với hàng nhập khẩu: Thời gian dự kiến hàng đến cửa khẩu nhập tại Việt Nam. - Đối với hàng xuất khẩu: Thời gian dự kiến hàng đến cửa khẩu xuất.
2.11	Ngày vào kho, địa điểm	Ngày đưa hàng hóa vào kho, địa điểm
2.12	Lý do sửa	Lý do sửa
Mẫu số 03	**Hủy Danh sách hàng hóa vào kho, địa điểm**	**Thực hiện khai báo đến cơ quan hải quan khi hủy thông tin hàng hóa vào kho, địa điểm**
3.1	Hình thức hàng hóa	Hình thức hàng hóa: Nhập khẩu, Xuất khẩu, Khác
3.2	Số vận đơn chủ	Số vận đơn chủ do hãng vận chuyển ban hành.
3.3	Số vận đơn thứ cấp	Số vận đơn thứ cấp do Đại lý hàng không, Đại lý giao nhận hàng hóa (Forwarder) ban hành
3.4	Số hiệu phương tiện vận chuyển	Số hiệu chuyến bay/Biển số phương tiện/Số hiệu tàu/ Tên tàu biển chở hàng

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

3.5	Ngày hàng đến cửa khẩu nhập/xuất	- Đối với hàng nhập khẩu: Thời gian dự kiến hàng đến cửa khẩu nhập tại Việt Nam. - Đối với hàng xuất khẩu: Thời gian dự kiến hàng đến cửa khẩu xuất.
3.6	Lý do hủy	Lý do hủy
Mẫu số 04	**Danh sách hàng hóa sai khác**	**Thực hiện khai báo đến cơ quan hải quan khi thông tin hàng hóa vào kho, địa điểm sai khác**
4.1	Số vận đơn chủ	Số vận đơn chủ do hãng vận chuyển ban hành
4.2	Số vận đơn thứ cấp	Số vận đơn thứ cấp do Đại lý hàng không, Đại lý giao nhận hàng hóa (Forwarder) ban hành
4.3	Số lượng hàng	Tổng số kiện hàng
4.4	ĐVT số lượng hàng	Nhập mã đơn vị tính số lượng hàng (Tham khảo bảng "Mã loại kiện" trên website Hải quan)
4.5	Trọng lượng hàng	Tổng trọng lượng hàng hóa
4.6	ĐVT trọng lượng hàng	Nhập mã đơn vị tính của trọng lượng hàng theo chuẩn UN/ECE (Tham khảo bảng "Mã đơn vị tính" trên website Hải quan)
4.7	Loại sai khác	Nhập định dạng thông tin sai khác như sau: 1. Không có thông tin theo danh sách dự kiến do cơ quan hải quan cung cấp nhưng thực tế có hàng hóa vào kho, địa điểm. 2. Có thông tin theo danh sách dự kiến do cơ quan hải quan thông báo nhưng hàng hóa không vào kho, địa điểm. 3. Không đảm bảo nguyên trạng hàng hóa do rách, vỡ. 4. Không đảm bảo nguyên niêm phong theo danh sách hàng hóa dự kiến do cơ quan hải quan cung cấp. 5. Loại khác (chỉ khai báo khi có hướng dẫn cụ thể của Cục Hải quan).
4.8	Chi tiết thông tin sai khác	Mô tả chi tiết thông tin sai khác
Mẫu số 05	**Danh sách hàng hóa ra khỏi kho, địa điểm**	
Mẫu số 05a		***Thực hiện khai báo đối với thông tin hàng hóa được mở tờ khai hải quan trên Hệ thống AVP-Ecom khi hàng hóa ra khỏi kho, địa điểm***

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

5.1	Hình thức hàng hóa	Hình thức hàng hóa: Nhập khẩu, Xuất khẩu, Khác
5.2	Số tờ khai/chứng từ	Số tờ khai hải quan/chứng từ
5.3	Ngày tờ khai/chứng từ	Ngày tháng năm tờ khai/chứng từ
5.4	Mã loại hình	Nhập mã loại hình của tờ khai
5.5	Mã hải quan	Mã hải quan khai báo của tờ khai/chứng từ
5.6	Ngày đăng ký	Ngày đăng ký tờ khai/chứng từ
5.7	Số vận đơn chủ	Số vận đơn chủ do Hãng vận chuyển ban hành
5.8	Số vận đơn thứ cấp	Số vận đơn thứ cấp do Đại lý hàng không, Đại lý giao nhận hàng hóa (Forwarder) ban hành
5.9	Tên hàng	Tên hàng, mô tả hàng hóa
5.10	Số lượng	Tổng số kiện hàng hóa
5.11	Số hiệu phương tiện vận chuyển	Số hiệu chuyến bay/Biển số phương tiện/Số hiệu tàu/ Tên tàu biển chở hàng
5.12	Ngày giờ ra khỏi kho, địa điểm	Ngày giờ ra khỏi khu vực giám sát hải quan (getout) YYYY-MM-DD HH:mm:ss
Mẫu số 05b		***Thực hiện khai báo đối với thông tin hàng hóa được mở tờ khai hải quan ở hệ thống khác, tờ khai hải quan giấy khi hàng hóa ra khỏi kho, địa điểm***
5.13	Hình thức hàng hóa	Hình thức hàng hóa: Nhập khẩu, Xuất khẩu, Khác
5.14	Số tờ khai/chứng từ	Số tờ khai hải quan/chứng từ được mở ở các hệ thống khác như VNACCS, ECUS6…
5.15	Ngày đăng ký	Ngày đăng ký tờ khai/chứng từ
5.16	Mã loại hình	Nhập mã loại hình của tờ khai
5.17	Mã hải quan	Mã hải quan khai báo của tờ khai/chứng từ
5.18	Số hiệu phương tiện vận chuyển	Số hiệu chuyến bay/Biển số phương tiện/Số hiệu tàu/ Tên tàu biển chở hàng
5.19	Số vận đơn chủ	Số vận đơn chủ do hãng vận chuyển ban hành
5.20	Số vận đơn thứ cấp	Số vận đơn thứ cấp do Đại lý hàng không, Đại lý giao nhận hàng hóa (Forwarder) ban hành
5.21	Tên hàng	Tên hàng, mô tả hàng hóa
5.22	Số lượng	Tổng số kiện hàng hóa
5.23	Ngày giờ xuất kho, địa điểm	Ngày giờ ra khỏi khu vực giám sát hải quan (getout) YYYY-MM-DD HH:mm:ss

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu số 06	**Thông tin hàng hóa đủ điều kiện qua KVGS**	
Mẫu số 06a		***Thực hiện gửi danh sách tờ khai hải quan được mở trên Hệ thống AVP-Ecom đủ điều kiện lấy hàng ra khỏi kho, địa điểm***
6.1	Số vận đơn chủ	Số vận đơn chủ do Hãng vận chuyển ban hành
6.2	Số vận đơn thứ cấp	Số vận đơn thứ cấp do Đại lý hàng không, Đại lý giao nhận hàng hóa (Forwarder) ban hành
6.3	Số lượng hàng	Tổng số kiện hàng hóa
6.4	ĐVT số lượng hàng	Nhập mã đơn vị tính số lượng hàng (Tham khảo bảng "Mã loại kiện" trên website Hải quan)
6.5	Trọng lượng hàng	Tổng trọng lượng hàng hóa
6.6	ĐVT trọng lượng hàng	Nhập mã đơn vị tính của trọng lượng hàng theo chuẩn UN/ECE (Tham khảo bảng "Mã đơn vị tính" trên website Hải quan)
6.7	Tên hàng	Tên hàng, mô tả hàng hóa
6.8	Ghi chú khác	Nếu có
6.9	Số tờ khai/chứng từ	Số tờ khai hải quan/chứng từ
6.10	Ngày đăng ký tờ khai/ chứng từ	Ngày đăng ký tờ khai hải quan/chứng từ
Mẫu số 06b		***Thực hiện gửi danh sách tờ khai/chứng từ được mở ở hệ thống khác, tờ khai hải quan giấy đủ điều kiện lấy hàng ra khỏi kho, địa điểm***
6.11	Hình thức hàng hóa	Hình thức hàng hóa: Nhập khẩu, Xuất khẩu, Khác
6.12	Số tờ khai/chứng từ	Số tờ khai hải quan/chứng từ được mở ở các hệ thống khác như VNACCS, ECUS6…
6.13	Ngày tờ khai/chứng từ	Ngày đăng ký tờ khai hải quan/chứng từ
6.14	Mã loại hình	Nhập mã loại hình của tờ khai
6.15	Mã hải quan	Mã hải quan khai báo của tờ khai/chứng từ
6.16	Ngày đăng ký	Ngày đăng ký tờ khai/chứng từ
6.17	Số vận đơn chủ	Số vận đơn chủ do hãng vận chuyển ban hành
6.18	Số vận đơn thứ cấp	Số vận đơn thứ cấp do Đại lý hàng không, Đại lý giao nhận hàng hóa (Forwarder) ban hành

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

6.19	Số hiệu phương tiện vận chuyển	Số hiệu chuyến bay/Biển số phương tiện/Số hiệu tàu/ Tên tàu biển chở hàng
6.20	Số lượng/ trọng lượng hàng	Số lượng/trọng lượng hàng trên tờ khai hải quan
6.21	Đơn vị tính số lượng/ trọng lượng	Đơn vị tính của số lượng/trọng lượng hàng trên tờ khai hải quan.
6.22	Ghi chú	Nếu có
Mẫu số 06c		***Thông tin cơ quan Hải quan phản hồi danh sách tờ khai/chứng từ được mở ở hệ thống khác, tờ khai hải quan giấy đủ điều kiện lấy hàng ra khỏi kho, địa điểm***
6.23	Hình thức hàng hóa	Hình thức hàng hóa: Nhập khẩu, Xuất khẩu, Khác
6.24	Số tờ khai/chứng từ	Số tờ khai hải quan/chứng từ được mở ở các hệ thống khác như VNACCS, ECUS6…
6.25	Ngày tờ khai/chứng từ	Ngày đăng ký tờ khai hải quan/chứng từ
6.26	Mã loại hình	Nhập mã loại hình của tờ khai
6.27	Mã hải quan	Mã hải quan khai báo của tờ khai/chứng từ
6.28	Số hiệu phương tiện vận chuyển	Số hiệu chuyến bay/Biển số phương tiện/Số hiệu tàu/ Tên tàu biển chở hàng
6.29	Số vận đơn chủ	Số vận đơn chủ do hãng vận chuyển ban hành
6.30	Số vận đơn thứ cấp	Số vận đơn thứ cấp do Đại lý hàng không, Đại lý giao nhận hàng hóa (Forwarder) ban hành
6.31	Số lượng/ trọng lượng hàng	Số lượng/trọng lượng hàng trên tờ khai hải quan
6.32	Đơn vị tính số lượng/ trọng lượng	Đơn vị tính của số lượng/trọng lượng hàng trên tờ khai hải quan.
6.33	Phản hồi hải quan	Nội dung phản hồi phê duyệt/ từ chối danh sách tờ khai mở ở hệ thống khác do doanh nghiệp gửi lên.
Mẫu số 07	**Thay đổi trạng thái tờ khai**	**Cơ quan hải quan cung cấp thông tin thay đổi trạng thái tờ khai đủ điều kiện qua khu vực giám sát (tạm dừng/bỏ tạm dừng; hủy)**
7.1	Số tờ khai/chứng từ	Số tờ khai hải quan/chứng từ
7.2	Ngày tờ khai/chứng từ	Ngày đăng ký tờ khai hải quan/chứng từ
7.3	Mã loại hình	Nhập mã loại hình của tờ khai

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

7.4	Mã hải quan	Mã Hải quan khai báo của tờ khai/chứng từ
7.5	Trạng thái tờ khai/ chứng từ	1: Được phép qua KVGS 0: Không được phép qua KVGS
7.6	Loại lý do	Nêu rõ lý do theo từng trường hợp như sau: 1. Tạm dừng đưa hàng qua KVGS 2. Bỏ tạm dừng đưa hàng qua KVGS 3. Hủy sau thông quan
Mẫu số 08	**Hủy Danh sách hàng hóa ra kho, địa điểm**	**Thực hiện khai báo đến cơ quan hải quan khi hủy thông tin hàng hóa ra kho, địa điểm**
8.1	Hình thức hàng hóa	Hình thức hàng hóa: Nhập khẩu, Xuất khẩu, Khác
8.2	Số tờ khai/chứng từ	Số tờ khai hải quan/chứng từ
8.3	Ngày tờ khai/chứng từ	Ngày đăng ký tờ khai hải quan/chứng từ
8.4	Mã loại hình	Nhập mã loại hình của tờ khai
8.5	Mã hải quan	Mã Hải quan khai báo của tờ khai/chứng từ
8.6	Số vận đơn chủ	Số vận đơn chủ do Hãng vận chuyển ban hành
8.7	Số vận đơn thứ cấp	Số vận đơn thứ cấp do Đại lý hàng không, Đại lý giao nhận hàng hóa (Forwarder) ban hành
8.8	Số hiệu phương tiện vận chuyển	Số hiệu chuyến bay/Biển số phương tiện/Số hiệu tàu/ Tên tàu biển chở hàng
8.9	Ngày giờ ra khỏi kho, địa điểm	Ngày giờ ra khỏi khu vực giám sát hải quan (getout) YYYY-MM-DD HH:mm:ss
8.10	Lý do hủy	Lý do hủy

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn